VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018
ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 445 + 446)

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	TÊN HOẠT CHẤT - NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
473	Clothianidin 160g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Clodin 360WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Kiên Giang
474	Clothianidin 500g/kg + Fipronil 250g/kg	Fes 750WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

475	Clothianidin 10% + Nitenpyram 30% + Pymetrozine 30%	Orgyram 70WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
476	Cnidiadin	Hetsau 0.4EC	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/rau họ thập tự; nhện lông nhung/vải; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
477	Cyantraniliprole (min 93%)	Dupont™ Benevia® 100 OD	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/dưa hấu; bọ phấn, sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/ớt; bọ trĩ, dòi đục lá, sâu xanh sọc trắng/dưa chuột	Công ty TNHH Du Pont Việt Nam
478	Cyantraniliprole 10% + Pymetrozine 50%	Minecto® Star 60WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
479	Cyflumetofen (min 97.5%)	Danisaraba 20SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
480	Cypermethrin (min 90%)	Andoril 50EC, 100EC, 250EC	**50EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **100EC:** sâu keo, sâu cuốn lá/lúa **250EC:** bọ xít/lúa	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Appencyper 10EC, 35EC	**10EC:** sâu xanh/đậu tương **35EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Arrivo 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương **10EC, 25EC:** rầy xanh/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	FMC Agricultural Products Interational AG
		Biperin 50EC, 100EC, 250EC	**50EC:** bọ xít/lúa **100EC:** sâu cuốn lá/lúa **250EC:** sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Classtox 250WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát

		Cymerin 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **10EC:** sâu cuốn lá/lúa **25EC:** bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Cymkill 10EC, 25EC	**10EC:** bọ trĩ/lúa, sâu khoang/bông vải **25EC:** sâu khoang/bông vải	Forward International Ltd
		Cyper 25EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Cyperan 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều **10EC:** sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi, sâu róm/điều **25EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Cyperkill 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu khoang/đậu tương; sâu đục thân khoai tây; bọ trĩ, bọ xít/lúa **10EC:** sâu khoang/đậu tương; sâu đục củ/khoai tây; sâu cuốn lá, rầy xanh, bọ trĩ/lúa **25EC:** rầy xanh, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân/khoai tây	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Cypermap 10EC, 25EC	**10EC:** sâu cuốn lá/lúa **25EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Cypetox 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Cyrux 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu xanh/đậu xanh, rệp/cà phê, sâu khoang/lạc, bọ trĩ, bọ xít/lúa **10EC:** rệp muội/thuốc lá; bọ xít, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/bông vải **25EC:** sâu xanh/bông vải	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dibamerin 5EC, 10EC, 25EC	**5EC, 25EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/đậu tương **10EC:** sâu đục thân/lúa, bọ xít muỗi/điều, dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Dosher 25EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Indicy 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Loxa 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Nitrin 10EC	Sâu xanh/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		NP-Cyrin super 100EC, 250EC, 200EC, 480EC	**100EC:** sâu keo, sâu cuốn lá lúa **200EC:** bọ trĩ/lúa **250EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/đậu tương **480EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Pankill 5EC, 10EC, 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Power 5EC	Bọ xít/lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Pycythrin 5EC	Sâu phao/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		SecSaigon 5EC, 10EC, 25EC, 50EC	**5EC:** sâu xanh/hoa cây cảnh, sâu cuốn lá/lúa **10EC:** nhện đỏ/bông vải, sâu khoang/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa **25EC:** sâu hồng/bông vải, sâu cuốn lá/lúa **50EC:** rệp/cà phê, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sherbush 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu khoang/lạc, sâu keo/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều **10EC:** bọ xít, sâu keo/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều **25EC:** sâu keo/lúa, bọ xít/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

		Sherpa 25EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc, đậu tương	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Shertox 5EW, 5EC, 10EW, 10EC, 25EC	**5EW:** sâu phao/lúa, rệp vảy/cà phê **5EC:** sâu keo, bọ xít/lúa; rệp vảy/cà phê **10EW:** rệp sáp/cà phê, sâu phao/lúa, sâu ăn lá/đậu tương, sâu khoang/lạc **10EC:** bọ xít/lúa **25EC:** sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Somethrin 10EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH P-H
		Southsher 5EC, 10EC, 25EC	**5EC, 25EC:** sâu khoang/lạc **10EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Superrin 50EC, 100EC, 150EC, 200EC, 250EC	**50EC:** sâu đục thân, bọ trĩ/lúa **100EC:** bọ trĩ/lúa **150EC, 200EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **250EC:** sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Cali - Parimex. Inc.
		Tiper 10EC, 25EC	**10EC:** sâu keo/lúa **25EC:** sâu đục thân/lúa, bọ xít/điều	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Tornado 10EC, 25EC	**10EC:** sâu cuốn lá/lúa **25EC:** sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Tungrin 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu keo/lúa; rệp sáp, kiến/cà phê **10EC:** bọ xít, sâu phao, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/đậu tương **25EC:** sâu phao, sâu keo/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp/thuốc lá; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Visher 10EW, 25EC, 25EW, 50EC	**10EW:** sâu cuốn lá, sâu phao/lúa, sâu xanh/cà chua, thuốc lá **25 EW:** sâu xanh/thuốc lá; sâu phao/lúa **25EC:** Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa **50EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

		Waja 10EC	Bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Wamtox 50EC, 100EC, 250EC, 500EC	**50EC, 500EC:** sâu khoang/lạc **100EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu khoang/lạc **250EC:** sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
481	Cypermethrin 50g/l + Dimethoate 400g/l	Nugor super 450EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu xanh/đậu tương; bọ xít muỗi, sâu đục cành/điều; rệp sáp giả, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
482	Cypermethrin 2% + Dimethoate 8%	Cypdime (558) 10EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
483	Cypermethrin 3.0% + Dimethoate 27.0%	Nitox 30EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rệp/cà phê; sâu ăn lá/đậu tương, điều	Công ty CP Nicotex
484	Cypermethrin 30g/l + Dimethoate 370g/l	Diditox 40EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
485	Cypermethrin 3% + Dimethoate 42%	Fastny 45EC	Sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
486	Cypermethrin 50g/l + Dimethoate 300g/l	Dizorin 35EC	Bọ xít, sâu keo, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; rệp, bọ trĩ/đậu tương	Công ty TNHH - TM Tân Thành
487	Cypermethrin 2% (20g/l) + Dimethoate 10% (200g/l) + Fenvalerate 3% (30g/l)	Antricis 15EC, 250EC	**15EC:** bọ xít, sâu cuốn lá nhỏ/lúa **250EC:** sâu đục quả/cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
488	Cypermethrin 2.6% + Fenitrothion 10.5% + Fenvalerate 1.9%	TP-Pentin 15EC	Rệp/cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thành Phương

489	Cypermethrin 260g/l + Indoxacarb 140g/l	Millerusa 400SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
490	Cypermethrin 2.0% + Isoprocarb 6.0%	Metox 809 8EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
491	Cyromazin 25% + Monosultap 50%	Hotosin 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
492	Cypermethrin 30g/l + Phosalone 175g/l	Sherzol 205EC	Sâu cuốn lá, sâu keo, sâu gai, bọ xít/lúa; rệp, sâu ăn lá, bọ xít/hoa cúc; sâu đục quả, sâu xanh/lạc; rầy, sâu xanh/bông vải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
493	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5%	Serthai 28.75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
494	Cypermethrin 40g/l + Profenofos 400g/l	Acotrin 440EC	Nhện đỏ, bọ trĩ, rệp muội/bông vải; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
495	Cypermethrin 30g/l + Quinalphos 200g/l	Kinagold 23EC	Sâu xanh/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu xanh; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
496	Cypermethrin 5%, + Quinalphos 20%	Tungrell 25EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/thuốc lá; sâu đục thân/ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
497	Cyromazine (min 95%)	Ajuni 50WP	Dòi đục lá/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Chip 100SL	Sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Newsgard 75WP	Sâu vẽ bùa/cam, dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Nôngiahưng 75WP	Sâu vẽ bùa/cam, dòi đục lá/cà chua	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Roninda 100SL	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Trigard® 100SL	Dòi đục lá/dưa chuột, khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
498	Dầu botanic + muối kali	Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1SL	Sâu tơ/bắp cải, rau cải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
499	Dầu hạt bông 40% + dầu đinh hương 20% + dầu tỏi 10%	GC - Mite 70SL	Rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/hoa hồng, bưởi; rệp/khoai tây; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh/chè	Công ty TNHH Ngân Anh
500	Deltamethrin (min 98%)	Appendelta 2.8EC	Sâu phao/lúa, rệp sáp giả/cà phê, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Daphacis 25EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Decis 2.5EC, 250WG	**2.5EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh, rệp/thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô, rệp muội/lạc, sâu xanh/đậu tương, bọ xít dài/lúa, sâu ăn lá/điều, mọt đục quả/cà phê **250WG:** sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Dersi-s 2.5EC	Bọ trĩ, bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Delta 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Deltaguard 2.5EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/lạc; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Discid 25EC	Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Meta 2.5EC	Sâu keo, sâu phao, nhện gié/lúa; sâu đục quả, rệp/đậu xanh; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Shieldmate 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd

		Supercis 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toxcis 2.5EC, 2.5SC	**2.5EC:** sâu đục bông/đậu xanh, bọ xít/lúa **2.5SC:** sâu xanh da láng/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Videci 2.5EC	Sâu phao, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Wofacis 25EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
501	Deltamethrin 25g/l (90g/l), (90g/l), (90g/l), (110g/l), (50g/kg), (5g/kg) + Fipronil 50g/l (120g/l), (130g/l), (170g/l), (190g/l), (727g/kg), (795g/kg)	Exkalux 75SC, 210EC, 220SC, 260SC, 300EC, 777WG, 800WG	**75SC, 300EC, 777WG, 800WG:** Sâu cuốn lá/lúa **210EC:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa **220SC:** sâu đục quả/đậu tượng, sâu cuốn lá/lúa **260SC:** sâu xanh/thuốc lá	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
502	Deltamethrin 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Ebato 160SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP ENASA Việt Nam
503	Deltamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	Rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
504	Diafenthiuron (min 97%)	Define 500SC	Sâu tơ/bắp cải	Sundat (S) PTe Ltd
		Detect 50WP	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Nicotex
		Fier 250SC, 500WP, 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Kyodo 25SC, 50WP	**25SC:** Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa **50WP:** Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH BMC
		Pegasus® 500SC	Sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/cây cảnh; nhện lông nhung/vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

		Pesieu 300WP, 350SC, 500SC	**300WP:** Sâu tơ/bắp cải **350SC:** Nhện đỏ/cam, sâu xanh da láng/lạc **500SC:** sâu xanh da láng/lạc; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu tơ, bọ nhảy/rau cải; bọ nhảy/cải thảo; bọ trĩ/cà tím, cà pháo, bí xanh; nhện đỏ, rầy xanh/cà pháo; rầy xanh, nhện đỏ/cà tím; sâu baba, sâu khoang/rau muống; sâu đục quả/đậu đũa, cà tím, đậu côve, ớt; sâu khoang/rau dền; sâu tơ/súp lơ, su hào; sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Việt Thắng
		Redmine 500SC	Nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Sam spider 500WP	Nhện đỏ/nho	Công ty CP SAM
505	Diafenthiuron 500g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Vangiakhen 550SC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
506	Diafenthiuron 200g/kg + Propagite 350g/kg	Supermite 550WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
507	Diazinon (min 95%)	Agrozinon 60EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Azinon 50EC	Sâu đục thân, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Basitox 5GR, 10GR	**5GR:** sâu đục thân, sâu năn/lúa; tuyến trùng/hồ tiêu **10GR:** sâu đục thân, sâu năn/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Basutigi 10GR, 40EC, 50EC	**10GR, 50EC:** sâu đục thân/lúa, sâu đục quả/lạc **40EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Binhnon 40EC	Bọ xít, sâu đục thân/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd

		Cazinon 10GR, 50EC	**10GR:** sâu đục thân/lúa, tuyến trùng/ngô, ve sầu/cà phê **50EC:** sâu đục thân/lúa, bọ xít/mía	Công ty CP TST Cần Thơ
		Danasu 10GR, 40EC, 50EC	**10GR:** sâu đục thân/ngô, rệp sáp/cà phê, tuyến trùng/hồ tiêu **40EC:** sâu ăn lá/ngô, sâu đục thân/lúa **50EC:** sâu đục quả/đậu tương, mọt đục quả/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Diaphos 10GR, 50EC	**10GR:** sâu đục thân/lúa, ca cao; rệp gốc/cà phê **50EC:** sâu đục thân/ngô; sâu đục quả, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Diazan 10GR, 40EC, 50EC, 60EC	**10GR:** sâu đục thân/lúa, ngô, điều; rệp sáp rễ/cà phê **40EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; bọ trĩ, sâu đục thân/điều **50EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, ngô; dòi đục thân/đậu tương; sâu đục thân/cà phê, sâu đục thân/điều **60EC:** sâu đục thân/lúa; dòi đục thân/đậu tương	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Diazol 10GR, 50EW, 60EC	**10GR:** sâu đục thân/lúa, cà phê **50EW:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; mọt đục cành/cà phê **60EC:** sâu đục thân/ngô, sâu xanh/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Kayazinon 40EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp/mía	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Phantom 60EC	Sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Subaru 10GR, 40EC	**10GR:** sâu đục thân/lúa, sâu đục quả/đậu tương **40EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Tizonon 50EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Vibasu 5GR, 10GR, 10BR,	**5GR, 40EC:** sâu đục thân/lúa **10GR:** sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

		40EC, 50EC	**10BR:** sâu xám/ngô **50EC:** bọ xít, sâu đục thân/lúa	
508	Diazinon 6% (30%) + Fenobucarb 4% (20%)	Vibaba 10GR, 50EC	**10GR:** sâu đục thân/lúa **50EC:** sâu đục thân/lúa; sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
509	Diflubenzuron (min 97%) 200g/kg (430g/kg) + Nitenpyram 500g/kg (350g/kg)	Goodcheck 700WP, 780WP	**700WP:** Rầy nâu/lúa **780WP:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
510	Diflubenzuron 100g/kg (100g/kg) + Nitenpyram 300g/kg (357g/kg) + Pymetrozine 300g/kg (250g/kg)	Sieucheck 700WP, 707WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
511	Diflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg	Superram 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
512	Diflubenzuron 125g/kg + Pymetrozine 500g/kg	TT-gep 625WG	Rầy nâu/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
513	Dimethoate (min 95%)	Arriphos 40EC	Bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô; bọ trĩ/bông vải	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Bai 58 40EC	Bọ xít hôi/lúa, sâu đục quả/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Binh-58 40EC	Bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/lúa; rệp/đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bini 58 40EC	Rệp/mía, cà phê	Công ty CP Nicotex
		Bitox 40EC, 50EC	Bọ xít/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		By 90 40EC	Bọ xít/lúa	Công ty TNHH ADC
		Cova 40EC	Rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.

		Dibathoate 40EC, 50EC	Rầy/lúa, nhện/cà phê, dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dimecide 40EC	Bọ xít/lúa	Agrimatco Vietnam Co., Ltd.
		Dimenat 20EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fezmet 40EC	Sâu ăn lá/hoa hồng	ZagroGRoup, Zagro Singapore Pvt Ltd.
		Forgon 40EC, 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Nugor 10GR, 40EC	**10GR:** Rệp sáp giả/rễ cà phê, rễ hồ tiêu; sâu đục thân/ngô, lúa; bọ hung/mía; bọ hà/khoai lang **40EC:** sâu ăn lá/lạc; sâu đục thân/điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Pyxoate 44EC	Rầy/ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Thần châu 58 40EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Tigithion 40EC, 50EC	**40EC:** rệp sáp/cà phê, bọ xít/lúa **50EC:** rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vidithoate 40EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Watox 400EC	Bọ trĩ, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
514	Dimethoate 15% + Etofenprox 5%	Difentox 20EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
515	Dimethoate 3% + Fenobucarb 2%	BB - Tigi 5GR	Rầy nâu/lúa, dế dũi/ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

		Caradan 5GR	Bọ trĩ/lúa, sâu đục thân/mía, ấu trùng ve sầu/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Palm 5GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vibam 5GR	Sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
516	Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	Mofitox 40EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
517	Dimethoate 400g/l + Fenobucarb 100g/l	Bisector 500EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
518	Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	Bifentox 30EC	Bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
519	Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	Fenbis 25EC	Rệp/đậu tương, bọ xít/lúa, bọ trĩ/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fentox 25EC	Bọ xít dài, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP TST Cần Thơ
520	Dimethoate 220g/l (318g/l) (390g/l) + Fipronil 30g/l (50g/l) (60g/l) + Quinalphos 200g/l (200g/l), (218g/l)	Empryse 450EC, 568EC, 668EC	**450EC, 668EC:** sâu cuốn lá/lúa **568EC:** rệp sáp/cà phê	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
521	Dimethoate 2% + Isoprocarb 3%	BM-Tigi 5GR	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
522	Dimethoate 286g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê, rệp muội/mía	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
523	Dimethoate 20% + Phenthoate 20%	Vidifen 40EC	Rệp sáp/cà phê, sâu xanh da láng/lạc, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
524	Dinotefuran (min 89%)	Asinjapane 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Carasso 400WP	Rầy nâu, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Chat 20WP	Rầy nâu/lúa, bọ nhảy/bắp cải, rầy bông/xoài, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, dòi đục lá/dưa chuột	Công ty TNHH Phú Nông
		Cheer 20WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyo super 200WP	Rầy nâu/lúa, rệp muội/dưa chuột, rầy xanh/chè	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Diny 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Dovasin 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Hakiray 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hitoshi 125ME, 200WP, 250WP, 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ikuzu 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Janeiro 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Newoshineu 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oshin 1GR, 20WP, 20SG, 100SL	**1GR:** rầy xanh/đậu bắp, bọ phấn/cà chua **20WP:** rầy nâu/lúa, rầy/xoài, dòi đục lá/dưa chuột, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu, rệp sáp/cà phê	Mitsui Chemicals Agro, Inc.

			20SG: Bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/cải xanh, rầy xanh/đậu bắp **100SL:** rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; bọ trĩ/hoa cúc; bọ phấn/hoa hồng; rầy nâu/lúa	
		Overcin 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Raves 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Regunta 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Sara.dx 40WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Safrice 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Santaone 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sida 20WP	Rầy nâu/lúa, rầy chổng cánh/cam, rệp vảy/cà phê, nhện gié, bọ xít dài, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toof 25WP, 150SL	**25WP:** Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa **150SL:** Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tosifen 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Yoshito 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
525	Dinotefuran 200g/kg + Etofenprox 150g/kg	Tenchu pro 350WP	Rầy nâu/lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
526	Dinotefuran 250g/kg (10g/kg) + Fipronil 50g/kg (400g/kg) + Imidacloprid 150g/kg (400g/kg)	Vdcnato 450WG, 810WG	**450WG:** Rầy nâu/lúa **810WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ/lúa; rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Đức

527	Dinotefuran 1.9% (200g/kg) + Fipronil 0.1% (100g/kg) + Nitenpyram 48% (250g/kg)	Acdinosin 50WP, 550WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
528	Dinotefuran 0.1g/kg (10g/kg), (10g/l), (200g/kg), (20g/l) + Imidacloprid 110.9g/kg (150g/kg), (250g/l), (100g/kg), (350g/l)	Dichest 111WP, 160WG, 260SC, 300WP, 370SC	**111WP, 160WG, 260SC, 370SC:** Rầy lưng trắng/lúa **300WP:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
529	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Brimgold 200WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Explorer 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
530	Dinotefuran 150g.kg (200g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (50g/kg), (100g/kg)	Anocis 200WP, 250WP, 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
531	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
532	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
533	Dinotefuran 180g/kg + Imidacloprid 120g/kg	Toshinusa 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
534	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
535	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		TD-Chexx 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI

536	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	Rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
537	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
538	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	Rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
539	Dinotefuran 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Nozzaplus 450WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
540	Dinotefuran 166g/kg, (25g/kg), (90g/kg) + Pymetrozine 500g/kg, (530g/kg), (610g/kg)	Chetsduc 666WG, 555WG, 700WG	**666WG, 555WG:** Rầy nâu/lúa **700WG:** rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
541	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
542	Dinotefuran 200g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Chessin 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
543	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
544	Dinotefuran 200g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centerosin 242WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
545	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90% + Avermectin B1b 10%)	Acplant 1.9EC, 4WG, 4TB, 6EC, 20WG	**1.9EC:** rầy nâu, sâu phao đục bẹ/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam **4WG:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/xoài, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/đậu tương, bọ xít muỗi/chè **4TB:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương **6EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **20WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

		Actimax 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu đục quả/nhãn; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa hấu; bọ trĩ, sâu xanh/thuốc lá, nho; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Agtemex 3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC, 5WG	**3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/đậu tương, cà chua; sâu vẽ bùa, rệp sáp/cam; rệp sáp/cà phê, điều, vải; sâu xanh/bắp cải **5WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Angun 5WG, 5ME	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu khoang, bọ nhảy/bắp cải; sâu đục quả/đậu tương; sâu ăn bông, bọ trĩ/xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/nho; nhện đỏ/chè; bọ xít muỗi, sâu đục cành, bọ trĩ/điều **5ME:** sâu vẽ bùa/cây có múi, sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Ansuco 5WG, 22EC, 60EC, 100EC, 120EC, 120WG, 160WG, 200WG, 42EC, 82EC, 260WG	**5WG, 22EC, 60EC, 100EC, 120EC, 160WG, 200WG, 42EC, 82EC, 260WG:** Sâu cuốn lá/lúa **120WG:** Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
		Apache 4EC, 6EC, 10WG	**4EC, 6EC:** sâu cuốn lá/lúa **10WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng

		Bafurit 5WG	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh da láng/nho, bông vải; bọ xít/vải; rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Nông Sinh
		Bemab 3.6EC, 3.8EC, 20EC, 40WG, 52WG	**3.6EC:** Bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá **3.8EC:** Bọ trĩ/dưa chuột, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **20EC, 40WG, 52WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
		Binged 36WG, 50WG	**36WG:** Sâu xanh da láng/bắp cải **50WG:** Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Billaden 50EC, 50WG	Nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân
		Boema 19EC, 50EC, 50WG	**19EC:** sâu tơ/bắp cải **50EC:** Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP SAM
		Browco 50WG, 150WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
		Calisuper 4.5ME, 5.5WP, 26WG, 41ME, 52WG, 71WG, 126WG	**4.5ME, 5.5WP, 41ME, 52WG, 71WG, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa **26WG:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Chim ưng 3.8EC, 5.0WG, 20WG	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Sơn Thành
		Comda gold 5WG	Dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Compatt 55.5WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Lan Anh
		Creek 2.1EC, 51WG	**2.1EC:** Sâu cuốn lá/lúa **51WG:** Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Danobull 50WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, rầy bông/xoài, sâu đục ngon/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
		Đầu trâu Bi-sad 30EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Doabin 1.9EC, 3.8EC	**1.9EC:** nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ/cam **3.8EC:** sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Dofaben 22EC, 40EC, 50WG, 70EC, 100EC, 100WG, 150WG	**22EC, 40EC, 50WG, 70EC, 100WG:** sâu cuốn lá/lúa **100EC, 150WG:** Nhện đỏ/cam, bọ trĩ/nho, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Dollar 50WG, 90EC, 90WG	**90WG:** Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; su xanh/đậu tương **50WG, 90EC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam
		DT Ema 30EC, 40EC	**30EC:** Sâu xanh da láng/lạc, sâu tơ/bắp cải **40EC:** Nhện gié/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu ăn bông/xoài, nhện đỏ/chè, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Dylan 2EC, 5WG, 10EC, 10WG	**2EC:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh da láng/hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, quýt; nhện lông nhung, sâu đục quả/nhãn, vải; sâu xanh/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa	Công ty CP Nicotex

			5WG: sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/lạc **10EC:** Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh/đậu xanh **10WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	
		Eagle 5EC, 10EC, 20EC, 36WG, 50WG	**5EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/cải xanh; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục quả/vải; sâu khoang, rệp/thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; sâu róm/thông; sâu xanh da láng/bông vải; bọ trĩ/điều **10EC, 20EC, 36WG, 50WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Ebama 5.5WG, 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Ebenzoate 5WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Ema king 20EC, 25EC, 40EC, 50WG, 100EC, 100WG	**20EC:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải **40EC:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam **50WG, 25EC, 100EC, 100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong

		Emaaici 50WG, 120WG	**50WG:** Rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải **120WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Emaben 0.2EC, 2.0EC, 3.6WG, 60SG	**0.2EC:** sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/lúa; rệp/rau cải; rầy xanh, bọ trĩ/chè; dòi đục lá, sâu đục quả/cà chua; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/bắp cải; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam, quýt **2.0EC, 3.6WG:** sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/đậu tương **60SG:** dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/vải; bọ trĩ, rầy xanh/chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Emacao-TP 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Toàn Phát
		Emagold 6.5EC, 6.5WG, 10.5WG, 12.5WG, 20.5WG	**6.5EC:** Sâu khoang/lạc **6.5WG, 10.5WG, 12.5WG, 20.5WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Emaplant 1.9EC, 3.8EC, 5WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam; sâu tơ/bắp cải **3.8EC:** nhện gié/lúa; sâu đục quả/đậu tương, rệp sáp/cà phê **5WG:** sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Thanh Điền
		Ematin 1.9EC, 60EC	**1.9EC:** sâu xanh đục quả/cà chua, sâu cuốn lá/lúa **60EC:** Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)

		Emathai 4EC, 10EC, 10WG	**4EC:** Nhện đỏ/cam, bọ trĩ/xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu **10EC:** Nhện lông nhung/nhãn; sâu xanh/đậu tương; bọ trĩ/xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa **10WG:** Bọ trĩ/dưa hấu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Emathion 25EC, 55EC, 55WG, 65WG, 100WG	**25EC:** Sâu tơ/bắp cải **55EC:** Bọ trĩ/dưa hấu **55WG, 65WG:** Sâu đục thân/lúa **100WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Emasun 2.2EC	Nhện đỏ/cam; sâu tơ/bắp cải; Sâu đục quả/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa	Zhejiang Hisun Chemical Co., Ltd.
		Emasuper 1.9EC, 3.8EC, 5WG	**1.9EC:** rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **1.9EC, 5WG:** bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông/xoài **3.8EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp/đậu tương; rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Ematigi 3.8EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Emtin 38EC, 100WG	**38EC:** Sâu cuốn lá/lúa **100WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Emavua 36EC, 75WG, 50WG, 150WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam

		Emaxtin 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC, 55.5WG, 108WG	**0.2EC, 1.0EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt **1.9EC:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt **3.8EC, 5.7EC, 7.6EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/cam **55.5WG, 108WG:** Nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè	Công ty TNHH US.Chemical
		EMETINannong 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.55WG, 5.7EC, 7.6EC, 108WG	**0.2EC, 1.0EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt **1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt; sâu xanh/cà chua **5.55WG, 108WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
		Etimex 2.6EC	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/rau cải, bắp cải; ruồi/lá/cải bó xôi; sâu xanh da láng/cà chua; sâu khoang, sâu xanh/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ, nhện đỏ/nho; nhện đỏ/nhãn; bọ xít muỗi/chè, điều; rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Fastish 116WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
		Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	**20SL:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải **35.5EC:** Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa **125WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever

		Focal 5.5EC, 80WG	**5.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **80WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn/lúa; nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu tương, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Foton 5.0 ME	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
		G8-Thôn Trang 2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC, 56WG, 96WG, 135WG, 150WG, 175WG, 195WG, 215WG	**2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **56WG:** Sâu cuốn lá/lúa **96WG:** Nhện đỏ/chè, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **135WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam **150WG, 175WG, 195WG:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **215WG:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Go.good One 5WG	Sâu phao đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
		Goldemec 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 5.55WG, 108WG	**1.9EC, 3.8EC, 5.7EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/cam, quýt **5.55WG:** Nhện gié/lúa **108WG:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Golnitor 10EC, 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Haeuro 75WG, 125WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam

		Hagucide 40EC, 70WG, 150WG	**40EC, 70WG:** Sâu cuốn lá/lúa **150WG:** Sâu cuốn lá/lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hoatox 0.5ME, 2ME	**0.5ME:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải, su hào; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu cuốn lá lúa; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam, quýt **2ME:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/su hào; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Homectin 1.9EC, 40EC, 50WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá/lúa **40EC:** Sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Hóc Môn
		Jiametin 1.9EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		July 1.0EC, 1.9EC, 5EC, 5WG	**1.0EC, 1.9EC:** sâu tơ, sâu xanh/cải xanh; rệp sáp/cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu **5EC, 5WG:** sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/cải xanh, bắp cải; rệp sáp/cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh, rệp/đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/bông vải, thuốc lá	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Kajio 1GR, 5EC, 5WG	**1GR:** Bọ hà/khoai lang, tuyến trùng/hồ tiêu **5EC:** Sâu xanh/bắp cải, sâu phao đục bẹ/lúa **5WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BMC

		Khủng 80WG, 60WG, 100WG	**80WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **60WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **100WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Kinomec 1.9EC, 3.8EC	**1.9EC:** sâu tơ/bắp cải **3.8EC:** bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Vicowin
		Lion kinh 50WG, 50EC, 100WG	**50WG:** Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **50EC:** sâu khoang/lạc **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
		Mãng xà 1.9EC, 65EC	**1.9EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/dưa hấu **65EC:** Sâu xanh da láng/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Makegreen 55WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Map Winner 5WG, 10WG	**5WG:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài; bọ xít muỗi/chè; sâu khoang/cải xanh; sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/chanh leo; bọ trĩ, rệp/ớt; rầy xanh, sâu xanh, bọ trĩ/bí ngô **10WG:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu vẽ bùa/cam; bọ xít muỗi/chè; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/lạc; rầy bông/xoài	Map Pacific Pte Ltd
		Matrix 1.9EC, 5WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Mectinone 5.0ME, 5.0WG, 5.5WP, 22EC, 25WG, 41ME, 53WG, 126WG, 150WG, 170WG	**5.0ME, 5.0WG, 5.5WP, 25WG, 41ME, 53WG, 126WG, 150WG, 170WG:** sâu cuốn lá/lúa **22EC:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ

		Mekomectin 1.9EC, 3.8EC, 45.5EC, 50.5EC, 55.5EC, 70WG, 105WG, 125WG, 135WG	**1.9EC:** sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **3.8EC:** sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **45.5EC, 50.5EC:** nhện đỏ/cam; sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **55.5EC:** Sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; nhện đỏ/cam **70WG:** Sâu đục quả/đậu xanh; rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/lạc **105WG:** Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu đục quả/đậu tương **125WG:** Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải **135WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
		Mikmire 2.0EC, 7.9EC, 14.9WG	**2.0EC:** bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua **7.9EC:** sâu tơ/bắp cải **14.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Moousa 20EC, 50EC, 60WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		Nazomi 2.0EC, 5WG	Sâu vẽ bùa/cam, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Newgreen 2.0EC	Sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, sâu xanh/cải thảo	Công ty TNHH - TM Thái Phong

		Newmectin 0.2ME, 0.5ME, 2.0EC, 5WP, 41ME, 53WG, 126WG	**0.2ME:** sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương; rệp sáp/cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp đào/thuốc lá; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu vẽ bùa/bưởi; rầy xanh/xoài **0.5ME:** rầy xanh/xoài **2.0EC:** rầy nâu/lúa **5WP:** bọ cánh tơ/chè **41ME, 53WG, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		New Tapky 0.2EC, 10EC	**0.2EC:** sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam **10EC:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP SX TM DV Tam Lập Thành
		Oman 2EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/su hào; bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu côve; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Proclaim® 1.9EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa; nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/xoài; sâu đục quả/bông vải; sâu khoang, sâu xanh, sâu gai sừng ăn lá/thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Phesolbenzoate 3.8EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Prodife's 1.9EC, 5.8EC, 5WG, 6WG, 8WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **5.8EC:** rầy bông/xoài, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn **5WG:** rầy nâu/lúa **6WG:** rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhãn **8WG :** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát

		Promectin 1.0EC, 5.0EC, 100WG	**1.0EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít muỗi, bọ cánh tơ/chè; bọ trĩ, rệp bông/xoài **5.0EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/nho; rệp bông/xoài **100WG:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/xoài, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông Việt
		Quiluxny 1.9EC, 55.5EC, 72EC, 6.0WG, 12WG, 20WG, 99.9SC	**1.9EC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **55.5EC, 72EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **6.0WG:** Sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam **12WG, 20WG**: Sâu cuốn lá/lúa **99.9SC:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; dòi đục lá/cà chua, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Ratoin 5WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh/chè; sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Remy 40EC, 19EC, 65EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Rholam 20EC, 42EC, 50WP, 58EC, 68WG	**20EC:** sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải; sâu đục quả/xoài **42EC:** Sâu cuốn lá/lúa **50WP:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/súp lơ; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **58EC:** Sâu khoang/lạc **68WG:** Sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Roofer 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn

		Royal city 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ACB Nhật Bản
		Sausto 1EC	**1EC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh/cà chua **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Sherdoba 20EC, 55WG	**20EC:** Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa **55WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Doanh nghiệp Tư nhân DV TM M & Q
		Silsau super 1EC, 1.9EC, 2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC, 5WP	**1EC, 1.9EC, 5WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải **2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu vẽ bùa/cam **1.9EC, 2.5EC, 3.5EC:** Sâu hồng đục quả/bưởi	Công ty TNHH ADC
		Sittobios 19EC, 40EC, 50SG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
		Starrimec 5WG, 10EC, 19EC, 40EC, 75EC, 80SC 105SG, 158SG, 198SG,	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ cánh tơ/chè, sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam **10EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang, rệp/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ cánh tơ/chè, sâu khoang/lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam **19EC, 40EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài **75EC, 198SG:** sâu cuốn lá/lúa **80SC, 105SG:** Nhện đỏ/cam **158SG:** sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

		Susupes 1.9EC	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/lạc; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Tamala 1.9EC	Sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/lúa; rầy bông, rệp sáp/xoài; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Tanwin 2.0EC, 4.0EC, 5.5WG, 200WG	**2.0EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; nhện đỏ/cam **4.0EC:** nhện gié/lúa **5.5WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu **200WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tasieu 1.0EC, 1.9EC, 2WG, 3EC, 3.6EC, 5EC, 5WG	**1.0EC, 1.9EC:** sâu ăn lá/hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu xanh, sâu đo, nhện đỏ/hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/thuốc lào, thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/nhãn; sâu xanh/cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/vải; sâu róm/thông; rầy, sâu xanh/hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; rầy/xoài **2WG, 5WG:** sâu róm/thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa chuột; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ/chè; bọ xít/vải, nhãn **3EC, 5EC:** Bọ trĩ/dưa chuột; bọ xít/vải, nhãn; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Việt Thắng

			3.6EC: Bọ trĩ/dưa chuột, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/lạc, nhện gié/lúa **5WG:** Sâu baba/rau muống; Bọ nhảy/cải thảo, rau cải, su hào; sâu đục quả/đậu đũa, đậu cô ve, ớt, cà pháo, cà tím; rầy xanh/bí xanh; rệp muội/đậu côve, rau cải, su hào, đậu đũa; sâu khoang/mồng tơi, rau dền, rau muống; sâu tơ/su hào, súp lơ, cải thảo, rau cải; sâu xanh da láng/hành; bọ trĩ/cà pháo, cà tím	
		Tikemectin 2EC, 4EC, 20WG, 6.0EC, 60WG, 80WG	**2EC, 4EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài **6.0EC, 60WG, 20WG:** sâu cuốn lá/lúa **80WG:** Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Topcide tsc 5.5EC, 100WG	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
		Topsix 82WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
		Tungmectin 1.9EC, 5EC, 5WG	**1.9EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cải xanh; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/lúa; sâu vẽ bùa/cây có múi; nhện đỏ/dưa chuột; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê; rệp sáp/hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/điều; rầy bông/xoài **5EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải;	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sau xanh da láng/cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài; sâu xanh da láng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều **5WG:** Sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ/cải bắp bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/cà chua; rệp sáp/hồ tiêu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/nhãn; rệp sáp/na; bọ trĩ/thuốc lá; nhện lông nhung/vải; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dưa hấu	
		Vimatox 1.9EC, 5SG	**1.9EC:** Bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, xoài; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/bưởi **5SG:** Bọ cánh cứng/rau cải, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zamectin 40EC, 65EC, 83EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
546	Emamectin benzoate 20g/l (20g/kg), (55g/kg) + Fipronil 50g/l (400g/kg), (500g/kg)	Nighcid 70SC, 420WG, 555WG	**70SC:** sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa **420WG:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **555WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
547	Emamectin benzoate 2.5% + Fipronil 17.5%	Rangergold 20WP	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu năn, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng

548	Emamectin benzoate 56g/kg + Fipronil 30g/kg	Picomec 86WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
549	Emamectin benzoate 50g/kg + Fipronil 50g/kg	Andousa 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
550	Emamectin benzoate 110g/kg + Fipronil 40g/kg	Nanowinusa 150WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
551	Emamectin benzoate 10g/l (50g/kg) (10g/kg) + Fipronil 120g/l (200g/kg), (130g/kg) + Thiamethoxam 50g/l (50g/kg), (100g/kg)	Celltop 180EW, 300WP, 410WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
552	Emamectin benzoate 10% + Flufiprole 10%	Tatachi 200WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
553	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 20%	Lk-saula 30WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
554	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Emacarb 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
555	Emamectin benzoate 35g/kg + Indoxacarb 60g/kg	Obaone 95WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
556	Emamectin benzoate 50g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Chetsau 100WG	Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
557	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Hd-Fortuner 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		IE-max 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
558	Emamectin benzoate 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Emingold 160SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng

559	Emamectin benzoate 30g/l (85g/kg), (115g/kg) + Indoxacarb 1150g/l (20g/kg), (120g/kg)	Dhajapane 180SC, 205WP, 235WP	**180SC, 235WP:** Sâu cuốn lá/lúa **205WP:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
560	Emamectin benzoate 4% (50g/l) + Indoxacarb 6% (150g/l)	Shieldkill 10WG, 200SC	**10WG:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương **200SC:** Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục nụ/hoa hồng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
561	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 10% + Fipronil 15%	Mely 35WG	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
562	Emamectin benzoate 25g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Carbatoc 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
563	Emamectin benzoate 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 60g/kg	Nanophasyco 160WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
564	Emamectin benzoate 20g/l + Liuyangmycin 100g/l	Map Genie 12EC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài	Map Pacific Pte Ltd
565	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 40g/l	Tik-tot 60EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
566	Emamectin benzoate 50g/l + Lufenuron 50g/l	Lufen extra 100EC	Châu chấu tre/ngô	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
567	Emamectin benzoate 49g/l (148g/l) + Matrine 1g/l (2g/l)	Nasdaq 50EC, 150WG	**50EC:** Sâu cuốn lá/lúa **150WG:** Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
568	Emamectin benzoate 5g/l (10g/l) + Matrine 5g/l (10g/l)	Kimcis 10EC, 20EC	**10EC:** Sâu đục ngọn/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy bông/xoài **20EC:** nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cam, bọ hà khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
569	Emamectin benzoate 7.5g/l + Matrine 7.5g/l	Gasrice 15EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

			lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	
570	Emamectin benzoate 9g/l (19g/l), (49g/kg), (89g/l), (62g/l), (59.9g/kg), (167g/kg) + Matrine 1g/l (1g/l), (1g/kg), (1g/l), (1g/l), (0.1g/kg), (1g/kg)	Mectinstar 10EC, 20EC, 50SG, 60SG, 63EC, 90SC 110SG, 168SG	**10EC, 20EC, 50SG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu khoang/lạc; rệp/thuốc lá; rầy xanh/chè; rầy bông/xoài; nhện đỏ/cam; sâu róm/thông **60SG:** sâu tơ/bắp cải **63EC:** Nhện đỏ/cam **90SC:** rầy bông/xoài **110SG, 168SG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
571	Emamectin benzoate 21g/l (41g/l), (56g/l) + Matrine 2g/l(2g/l), (2g/l)	9X-Actione 2.3EC, 4.3EC, 5.8EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
572	Emamectin benzoate 10g/l (19g/l), (20g/kg), (29g/l), (60.9g/kg) + Matrine 1g/l (1g/l), (1g/kg), 1g/l), (0.1g/kg)	Redconfi 11EC, 20EC, 21WP, 30EC, 61WG	**11EC, 20EC, 21WP, 30EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ xít muỗi, rầy canh/chè **61WG:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
573	Emamectin benzoate 10g/l (48g/kg), (98g/kg), (25g/l) + Matrine 2g/l (2g/kg), (2g/kg), (2g/l)	Rholam Super 12EC, 50SG, 100WG, 27EC	**12EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả, bọ xít/vải; nhện đỏ/hoa hồng; bọ trĩ/dưa chuột; rầy chổng cánh/cam **27EC:** nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải **50SG:** sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu tơ/cải xanh; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh da láng/nho; sâu khoang/lạc; rầy bông/xoài; sâu đục gân lá/vải **100WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP nông dược Nhật Việt
574	Emamectin benzoate 22g/l (42g/l), (60g/l) + Matrine 4g/l (4g/l) (4g/l)	Bạch tượng 26EC, 46EC, 64EC	**26EC, 46EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu lúa **64EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; nhện lông nhung/nhãn; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH - TM Nông Phát

575	Emamectin benzoate 24g/l, (55g/l), (55g/kg), (99g/kg) + Matrine 1g/l, (0.5g/l), (0.5g/kg), (0.9g/kg)	Dolagan 25EC, 55.5EC, 55.5WG, 99.9WG	**25EC:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam, bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè **55.5EC, 99.9WG:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa **55.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
576	Emamectin benzoate 95g/kg + Matrine 5g/kg	K54 100WG	Sâu cuốn lá/lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Pro-sure 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
577	Emamectin benzoate 29.5g/l (35.5g/kg), (49g/l), (49g/kg) + Martrine 0.5g/l (0.5g/kg), (1g/l), (1g/kg)	Techtimex 30EC, 36WG, 50EC, 50WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
578	Emamectin benzoate 0.4% (4g/l), (4g/l) + Monosultap 19.6% (392g/l), (392g/l)	Map Go 20ME, 39.6SL, 39.6ME	**20ME:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện/sắn **39.6SL:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; rệp sáp/cà phê **39.6ME:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Map Pacific Pte Ltd
579	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Eska 250EC	Sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu tương; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa chuột, bí xanh; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu tơ, sâu xanh, rệp/bắp cải; nhện đỏ/nhãn	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Comda 250EC	Bọ trĩ/dưa hấu, bọ xít muỗi/chè, rầy bông/xoài, rệp muội/hoa cúc, rệp sáp/cà phê, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/hành	Công ty CP BVTV Sài Gòn
580	Emamectin benzoate 10g/l (5g/l) + Petroleum oil 240g/l (395g/l)	Emamec 250EC, 400EC	Sâu đục thân, cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

581	Emamectin benzoate 19g/l (25g/l), (30g/l) + Permethrin 80.99g/l (130g/l), (155g/l)	Tiachop 99.99EC, 155EC, 185EC	**99.99EC:** sâu cuốn lá/lúa **155EC:** sâu xanh da láng/đậu xanh **185EC:** sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
582	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
583	Emamectin benzoate 10g/l + Quinalphos 240g/l	Daisuke 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
584	Emamectin benzoate 30g/kg + Spinosad 25g/kg	Amagong 55WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
585	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + 200g/l (200g/kg) Spinosad	Boxin-TSC 25EC, 250WP	Sâu xanh/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
586	Esfenvalerate (min 83%)	Sumi-Alpha 5EC	Sâu đục quả/đậu tương; bọ xít, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumisana 5EC	Sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
587	Esfenvalerate 1.25% + Fenitrothion 25%	Sumicombi-Alpha 26.25EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; rầy xanh/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
588	Ethiprole (min 94%)	Curbix 100SC	Rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
589	Ethiprole 100g/l + Imidacloprid 100g/l	Peridor 200SC	Rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
590	Etofenprox (min 96%)	Noray 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Slavic 10SC	Rầy nâu/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd

		Trebon 10EC, 20WP, 30EC	**10EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu khoang/bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/vải; bọ xít muỗi/điều **20WP:** rầy nâu/lúa; bọ xít/vải, nhãn; rầy xanh/chè; rầy/xoài; sâu khoang/bắp cải **30EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rầy mềm/bắp cải; rầy xanh/chè	Mitsui Chemicals Agro, Inc. .
591	Etofenprox 2% + Phenthoate 48%	ViCIDI-M 50EC	Bọ xít/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
592	Eucalyptol (min 70%)	Pesta 2SL	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ/nhãn; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/bí xanh, dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
593	Fenbutatin oxide (min 95%)	Nilmite 550SC	Nhện gié/lúa; nhện đỏ/hoa hồng, cam	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
594	Fenitrothion (min 95%)	Factor 50EC	Sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forwathion 50EC	Sâu đục thân/lúa, rệp/cà phê	Forward International Ltd
		Metyl annong 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Nysuthion 50EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Sumithion 50EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Visumit 5DP, 50EC	**5DP:** cào cào, sâu trong đất/lúa **50EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

595	Fenitrothion 45% + Fenoburcarb 30%	Difetigi 75EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Subatox 75EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
596	Fenitrothion 25% (250g/l) + Fenvalerate 5% (50g/l)	Hosithion 30EC	Bọ xít hôi/lúa, sâu ăn tạp/lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Sumicombi 30EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu đục quả, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumitigi 30EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
597	Fenitrothion 450g/l + Fenpropathrin 50g/l	Danitol - S 50EC	Nhện, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu đục cành, đục quả, rệp sáp/cà phê; rệp, sâu xanh, rầy xanh, bọ trĩ/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
598	Fenobucarb (BPMC) (min 96%)	Abasba 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Anba 50EC	Rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu, rệp/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Basasuper 700EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Bascide 50EC	Rầy nâu/lúa, rệp/thuốc lá	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bassa 50EC	Rầy/lúa, rệp sáp/bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Bassatigi 50EC	Rầy nâu, sâu keo/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Dibacide 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosadx 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Excel Basa 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam

		Forcin 50EC	Rầy nâu/lúa, bọ trĩ/bông vải	Forward International Ltd
		Hoppecin 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Jetan 50EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Metasa 500EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Nibas 50EC	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa, rệp vảy/cà phê	Công ty CP Nicotex
		Pasha 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Super Kill 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Tapsa 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Triray 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Vibasa 50EC	Rầy, rầy nâu/lúa; rệp/bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitagro 50EC	Rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
599	Fenobucarb 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Azora 350EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
600	Fenobucarb 415g/l + Imidacloprid 35g/l	Javipas 450EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt

601	Fenobucarb 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Lanro 500EC	Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
602	Fenobucarb 150g/l (5g/kg) + Isoprocarb 150g/l (195g/kg)	Anbas 200WP, 300EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
603	Fenobucarb 150g/l (350g/l) + Isoprocarb 100g/l (150g/l)	Kimbas 250EC, 500EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
604	Fenobucarb 20% + Phenthoate 30%	Viphensa 50EC	Sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
605	Fenobucarb 30% + Phenthoate 45%	Diony 75EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
606	Fenobucarb 300g/l + Phenthoate 450g/l	Hopsan 75EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
607	Fenobucar 305g/l + Phenthoate 450g/l	Abasa 755EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
608	Fenobucarb 45% + Phenthoate 30%	Knockdown 75EC	Rầy nâu/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
609	Fenpropathrin (min 90%)	Alfapathrin 10EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Danitol 10EC	Rệp/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Vimite 10EC	Nhện đỏ/hoa hồng; bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
610	Fenpropathrin 160g/l + Hexythiazox 60g/l	Mogaz 220EC	Nhện đỏ/hoa hồng; nhện gié/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
611	Fenpropathrin 100g/l + Pyridaben 200g/l	Sieunhen 300EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

612	Fenpropathrin 100g/l (5g/l), (5g/l) + Profenofos 40g/l (55g/l), (300g/l) + Pyridaben 10g/l, (200g/l), (5g/l)	Calicydan 150EW, 260EC, 310EC	**150EW, 260EC:** nhện gié/lúa **310EC:** rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
613	Fenpyroximate (min 96%)	Ortus 5SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		May 050SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
614	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	nhện gié/lúa, bọ xít muỗi/điều, ca cao; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Tân Thành
615	Fenvalerate (min 92%)	Dibatox 10EC, 20EC	**10EC:** sâu keo/lúa, sâu cuốn lá/lạc, rệp sáp/cà phê **20EC:** sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fantasy 20EC	Rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Fenkill 20EC	Sâu đục thân/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		First 20EC	Bọ xít/lúa	Zagro Singapore Pte Ltd
		Kuang Hwa Din 20EC	Rầy xanh/lúa	Bion Tech Inc.
		Pathion 20EC	Sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pyvalerate 20EC	Rầy, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều	Forward International Ltd
		Sanvalerate 200EC	Bọ xít/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Sutomo 25EC	Sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

		Timycin 20EC	Bọ xít/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Vifenva 20EC	Sâu xanh/thuốc lá, bọ xít/đậu lấy hạt, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
616	Fenvalerate 6% + Malathion 15%	Malvate 21EC	Sâu khoang/lạc, sâu bao/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
617	Fipronil (min 95%)	Again 3GR, 50SC, 800WG	**3GR:** sâu đục thân/lúa **50SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **800WG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Airblade 5SC, 800WG	**5SC:** Bọ trĩ/lúa **800WG:** Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Angent 5SC, 800WG	**5SC:** bọ trĩ/lúa **800WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Anpyral 800WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu khoang/lạc, mọt đục cành/cà phê; dòi đục thân/đậu tương, bọ xít muỗi/ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Anrogen 0.3GR, 10.8GR, 50SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **10.8GR:** Rầy nâu/lúa; tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê **50SC, 800WG:** sâu đục thân/ngô; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Cagent 3GR, 5SC, 800WG	**3GR:** Sâu đục thân/lúa, mía **5SC:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa **800WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Centago 800WG, 50SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Cyroma 5SC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)

		Fidegent 50SC, 800WG	**50SC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Finico 800WG	Sâu đục thân/ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Fipent 800WG	Sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Agro Việt
		Fiprogen 0.3GR, 0.5GR, 5SC, 800WG	**0.3GR, 0.5GR:** Sâu đục thân/lúa **5SC:** sâu đục thân/lúa, sâu xanh/đậu tương **800WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Fipshot 800WG	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Fi-Hsiung Lai 0.3GR, 5SC	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **5SC:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Forgen 800WG	Bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Hybridsuper 800WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Javigent 800WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jianil 5SC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Legend 0.3GR, 5SC, 800WG	**0.3GR:** bọ trĩ, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô, mía **5SC:** sâu đục thân/ngô, mía; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp muội/bông vải; sâu khoang/thuốc lá **800WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu đục thân/ngô; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/thuốc lá; rệp/bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Lexus 5SC, 800WG, 800WP	**5SC:** sâu cuốn lá/lúa **800WG:** sâu xanh da láng/lạc **800WP:** sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd

		Lugens 200FS, 800WG	**200FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Lupus 50ME	Sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Phironin 50SC, 800WG	**50SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/lạc; xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/ngô, sâu cuốn lá/lúa **800WG:** sâu đục thân/ngô; sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Phizin 50SC, 800WG	**50SC:** sâu cuốn lá/lúa **800WG:** sâu đục thân/ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Rambo 5SC, 800WG	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		Ranger 0.3GR, 5SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **5SC:** sâu đục thân/ngô, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa **800WG:** bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Reagt 5SC, 800WG	**5SC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Regal 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG	**3GR:** sâu đục thân/lúa, sùng/mía, tuyến trùng/hồ tiêu **6GR:** Sâu đục thân, tuyến trùng/lúa **50SC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa **75SC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Cali - Parimex. Inc.

			800WG: sâu đục thân/ngô; sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa	
		Regent 0.3GR, 5SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu keo, sâu phao, sâu cuốn lá, sâu năn/lúa; sâu đục thân/ngô, mía; ve sầu/cà phê **5SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ dế, kiến, nhện, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu keo/lúa **800WG:** sâu đục thân, bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/lúa; bọ trĩ/điều; rệp sáp/cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Regrant 800WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Rigell 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG	**3GR:** sâu cuốn lá/đậu tương; sâu đục thân/ngô; tuyến trùng, sâu đục thân/mía **6GR:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, tuyến trùng/lúa **50SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **75SC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Rigenusamy 3GR, 50SC, 800WG	**3GR:** Sâu đục thân/lúa **50SC:** Bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **800WG:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Sagofifro 850WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Supergen 5SC, 800WG	**5SC:** xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, sâu phao, sâu keo, muỗi hành, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **800WG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành

		Suphu 0.3GR, 10GR, 5SC, 10EC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/lúa **10GR:** rầy nâu, sâu đục thân, nhện gié/lúa; rệp sáp, ấu trùng ve sầu, tuyến trùng/cà phê **5SC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân/lúa **10EC:** sâu đục thân/ngô, lúa, mía **800WG:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH ADC
		Tango 50SC, 800WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Thenkiu 800WG	Sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH King Elong
		Tungent 5GR, 5SC,100SC, 800WG	**5GR:** Rệp sáp giả/rễ cà phê; tuyến trùng/hồ tiêu; sâu đục thân/mía, ngô **5SC:** sâu xanh, sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, bọ xít, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu róm/điều **100SC:** rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều, tuyến trùng/hồ tiêu, sâu đục thân/mía; sâu xanh da láng/lạc, sâu xanh/đậu tương, sâu đục thân/ngô, rầy nâu, bọ trĩ/lúa **800WG:** bọ xít muỗi/điều; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh/lạc; sâu đục thân/ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tư ếch 800WG	Rệp vảy/cà phê, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Virigent 0.3GR, 50SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **50SC:** sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

618	Fipronil 100g/l + Flufiprole 100g/l	Flufipro 200SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
619	Fipronil 160g/l (322g/kg) + Hexaflumuron 100g/l (100g/kg)	Nok 260EC, 422WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
620	Fipronil 400g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Angerent 500WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
621	Fipronil 0.3% + Imidacloprid 0.2%	Futim 5GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
622	Fipronil 2.9g/kg, (3g/kg), (50g/l), (20g/l), (85g/kg), (785g/kg)) + Imidacloprid 0.1g/kg, (2g/kg), (5g/l), (80g/l), (15g/kg), (15g/kg)	Configent 3GR, 5GR, 55SC, 100EC, 100WP, 800WG	**3GR, 5GR, 55SC, 800WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **55SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa **100EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **100WP:** sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam
623	Fipronil 3g/kg, (29g/l), (59g/l), (130g/kg), (30g/kg), (400g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 1g/kg, (1g/l), (1g/l), (25g/kg), (250g/kg), (100g/kg), (720g/kg)	Henri 4GR, 30EC, 60SC, 155WP, 280WP, 500WG, 750WG	**4GR, 30EC, 60SC, 500WG:** sâu cuốn lá/lúa **155WP:** sâu phao/lúa **280WP, 750WG:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
624	Fipronil 180g/l (400g/kg) + Imidacloprid 360g/l (400g/kg)	Sunato 540FS, 800WG	**540FS:** Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa **800WG:** Rệp sáp giả/ca cao, cà phê, hồ tiêu; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, bọ trĩ/điều; rệp muội, bọ phấn/khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
625	Fipronil 100g/l (250g/kg) + Imidacloprid 150g/l (440g/kg) + Lambda-cyhalothrin 80g/l (60g/kg)	Kosau 330SC, 750WP	**330SC:** Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **750WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH An Nông

626	Fipronil 100g/kg + Imidacloprid 10g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Acdora 360WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
627	Fipronil 600g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Hummer 850WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
628	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Blugent 75SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
629	Fipronil 300g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Map wing 45WP	Sâu cuốn lá nhỏ/lúa, sâu xanh/đậu tương	Map Pacific Pte. Ltd
630	Fipronil 500g/l + Indoxacarb 150g/l	Seahawk 650SC	Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
631	Fipronil 400g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Rido 550WP	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
632	Fipronil 500g/kg, (306g/kg) + Indoxacarb 100g/kg, (150g/kg)	M79 600WG, 456WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
633	Fipronil 50g/l (38g/l) (100g/kg) (450g/kg) + Indoxacarb 16.88g/l (130g/l) (100g/kg), (50g/kg)	Bugergold 66.88EW, 168SC, 200WP, 450SG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
634	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Endophos super 150SC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
635	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 150g/l	Homata 200EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
636	Fipronil 25g/l (50g/l), (10g/l) + Indoxacarb 25g/l (50g/l), (150g/l)	Adomate 50SC,100SC, 160SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

637	Fipronil 30g/l (35g/kg), (160g/l), (100g/l), (10g/l), (200g/kg), (606g/kg) + Indoxacarb 50g/l (54.9g/kg), (10g/l), (20g/l), (10g/l), (20g/kg), (50g/kg) + Thiamethoxam 15g/l (10g/kg), (10g/l), (50g/l), (200g/l), (50g/kg), (10g/kg)	Newebay 95EC, 99.9WG, 170EW, 180SC, 220SC, 270WG, 666WG	**95EC, 99.9WG, 180SC, 270WG, 666WG:** Sâu cuốn lá/lúa **170EW:** Rầy lưng trắng/lúa **220SC:** Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
638	Fipronil 80g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Nanochiefusa 100EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
639	Fipronil 35g/l (50g/l), (90g/l) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (25g/l), (25g/l)	Accenta 50EC, 75EC, 115EC	**50EC, 115EC:** sâu đục thân/lúa **75EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
640	Fipronil 45g/l (500g/kg), (795g/kg) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (200g/kg), (5g/kg)	Goldgent 60EC, 700WG, 800WG	**60EC:** sâu cuốn lá/lúa **700WG, 800WG:** Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
641	Fipronil 50g/l + 25g/l Lambda-cyhalothrin	Golgal 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
642	Fipronil 120g/kg + Methylamine avermectin 60g/kg	Fu8 18WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
643	Fipronil 0.8g/l (10.4g/l), (0.1g/l), (60g/kg), (5g/kg), (260g/kg) + Nitenpyram 100g/l (390g/l), (449.9g/l), (440g/kg), (550g/kg), (540g/kg)	Newcheck 100.8SL, 400.4SL, 450SL, 500WP, 555WP, 800WP	**100.8SL, 400.4SL, 500WP, 555WP:** rầy nâu/lúa **100.8SL:** Nhện gié/lúa **450SL:** Nhện gié, rầy nâu/lúa **800WP:** Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều	Công ty TNHH An Nông

644	Fipronil 100g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Vinagold 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
645	Fipronil 260g/kg + Nitenpyram 540g/kg	Meta gold 800WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
646	Fipronil 50g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Pymota 300WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
647	Fipronil 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chesshop 600WG	Rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Jette super 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
648	Fipronil 500g/kg + Pymetrozine 200g/kg	M150 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
649	Fipronil 85g/kg, (110g/kg), (680g/kg), (800g/kg) + Pymetrozine 500g/kg, (550g/kg), (120g/kg), (10g/kg)	Chet 585WG, 660WG, 800WG, 810WG	**585WG: 660WG, 800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa **810WG:** sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
650	Fipronil 100g/kg (150g/kg) (150g/kg), (150g/kg) + Pymetrozine 500g/kg (500g/kg) (550g/kg), (600g/kg)	Biograp 600WG, 650WG, 700WG, 750WG	**600WG, 750WG:** Rầy nâu/lúa **650WG, 700WG:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
651	Fipronil 25g/l + Quinalphos 225g/l	Goltoc 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
652	Fipronil 20% + Tebufenozide 20%	Tore 40SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
653	Fipronil 50.5g/l (100g/kg) + Thiacloprid 250g/l (550g/kg) + Thiamethoxam 100g/l (107g/kg)	Bagenta 400.5SC, 757WP	**400.5SC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê **757WP:** Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông

654	Fipronil 5g/kg + Thiamethoxam 295g/kg	Onera 300WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
655	Fipronil 200g/l (100g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (100g/kg)	MAP Silo 40SC, 200WP	**40SC:** Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa **200WP:** bọ trĩ/lúa	Map Pacific Pte Ltd
656	Fipronil 0.3% + 11.7% Thiosultap-sodium	Fretil super 12GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
657	Flonicamid (min 96%)	Acpymezin 10WG, 50WG	**10WG:** Rầy nâu nhỏ/lúa **50WG:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
658	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
659	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
660	Flubendiamide (min 95%)	Takumi 20WG, 20SC	**20WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; sâu đục quả/cà chua **20SC:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
661	Flufenoxuron (min 98%)	Cascade 5EC	Sâu xanh da láng/lạc, đậu tương; nhện đỏ/cây có múi, chè	BASF Vietnam Co., Ltd.
662	Fluazinam (min 95%)	Flame 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
663	Flufiprole (min 97%)	Tachi 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á châu
664	Flufiprole 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Good 150SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
665	Gamma-cyhalothrin (min 98%)	Vantex 15CS	Sâu đục thân/lúa, sâu xanh da láng/lạc	FMC Agricultural Products Interational AG

666	Garlic juice	Bralic-Tỏi Tỏi 1.25SL	Bọ phấn/cà chua	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Biorepel 10SL	Rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; ruồi/lá cải bó xôi; rệp muội/hoa cúc, cải thảo; bọ phấn/cà chua; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
667	Hexaflumuron (min 95%)	Staras 50EC	Sâu xanh/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
668	Hexythiazox (min 94%)	Hoshi 55.5EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Lama 50EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH BMC
		Nissorun 5EC	Nhện đỏ/chè, hoa hồng; nhện gié/lúa, nhện lông nhung/nhãn	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nhendo 5EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tomuki 50EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
669	Hexythiazox 40g/l + Pyridaben 160g/l	Super bomb 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
670	Imidacloprid (min 96%)	Acmayharay 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actador 100WP	Rầy nâu/lúa	Cali - Parimex. Inc.
		Admitox 050EC, 100SL, 100WP, 200SC, 250WP, 600SC, 750WG	**050EC, 100SL:** rầy nâu/lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/lúa **200SC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **250WP, 750WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

		Aicmidae 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amico 10EC, 20WP	**10EC:** rầy nâu/lúa **20WP:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Anvado 100SL, 100WP, 200SC, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Armada 50EC, 100EC, 100SL, 100WG, 700WG	**50EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu cuốn lá/lạc **100EC:** bọ trĩ/lúa; sâu cuốn lá/lạc **100SL:** rệp sáp/cà phê **100WG:** rầy nâu/lúa **700WG:** bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Asimo 10WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Biffiny 10WP, 70WP, 400SC, 600FS	**10WP:** bọ trĩ/lúa, rầy nâu/lúa **70WP:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa **400SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600FS:** Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Confidor 050EC, 100SL, 200SL, 200OD, 700WG	**050EC:** rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ/lúa; rệp, rầy xanh/bông vải **100SL:** rệp sáp, rệp vảy/cà phê **200SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp vảy, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều, rệp sáp/hồ tiêu **200OD:** rầy nâu/lúa; bọ trĩ/lúa, điều; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; rầy xanh, rệp muội/bông vải **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

		Conphai 10ME, 10WP, 15WP, 100SL, 700WG	**10ME, 10WP, 15WP, 700WG:** rầy nâu/lúa **100SL:** rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Imida 10WP, 20SL	**10WP:** bọ trĩ/lúa **20SL:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Long Hiệp
		Imidova 150WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Imitox 10WP, 20SL, 700WG	**10WP:** Bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **20SL:** rầy nâu/lúa **700WG:** bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Inmanda 100WP, 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Iproimida 20SL	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Futai
		Javidan 100WP, 150SC, 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jiami 10SL	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Jugal 17.8SL	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Just 050EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Kerala 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Kimidac 050EC	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

		Kola 600FS, 700WG	**600FS:** xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa **700WG:** bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa	Công ty TNHH ADC
		Kongpi-da 151WP, 700WG	**151WP:** rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều **700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Map - Jono 5EC, 700WP	**5EC:** bọ trĩ/lúa **700WP:** rầy nâu/lúa; sâu xám/ngô; rầy xanh/bông vải	Map Pacific PTE Ltd
		Mega-mi 178SL	Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Mikhada 10WP, 20WP, 45ME, 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Miretox 2.5WP, 10EC, 10WP, 12EC, 250WP, 700WG	**2.5WP, 12EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **10EC, 10WP, 250WP, 700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Midan 10WP	Rầy xanh/bông vải; rầy nâu, bọ trĩ, rầy lưng trắng/lúa; rệp vẩy/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP Nicotex
		Nomida 10WP, 15WP, 25WP, 28WP, 50EC, 700WG	**10WP, 15WP, 25WP, 28WP, 50EC:** rầy nâu/lúa **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
		Phenodan 10WP, 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
		Pysone 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Punto xtra 70WG	Rầy nâu/lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co.Ltd

		Saimida 100SL	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sahara 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Sectox 50EC, 100EC, 100WP, 200EC, 700WG	**100WP:** rầy nâu/lúa **50EC, 100EC, 200EC, 700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Stun 20SL	Rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều, bọ xít lưới/hồ tiêu	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Sun top 700WP	Rầy nâu/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		T-email 10WP, 70WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **70WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; dòi đục lá/đậu xanh; bọ xít muỗi, bọ trĩ/điều; rệp sáp, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thần Địch Trùng 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Thanasat 10WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Tinomo 100SL	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vicondor 50EC, 700WP	**50EC:** Rầy nâu/lúa **700WP:** Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Yamida 10WP, 100EC, 700WG, 700WP	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **100EC, 700WG, 700WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd

671	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 70g/l	Yasaki 270SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
672	Imidacloprid 150g/l + Indoxacarb 150g/l	Xacarb 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Xarid 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
673	Imidacloprid 3% (100g/kg), (150g/kg) + Isoprocarb 32% (450g/kg), (550g/kg)	Qshisuco 35WP, 550WP, 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
674	Imidacloprid 100g/kg + Isoprocarb 250g/kg	Tiuray TSC 350WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
675	Imidacloprid 250g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Centertrixx 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
676	Imidacloprid 250g/kg (205g/kg) + Lambda - cyhalothrin 50g/kg (50g/kg) + Nitenpyram 450g/kg (500g/kg)	Startcheck 750WP, 755WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
677	Imidacloprid 5% + Nitenpyram 45% + Pymetrozine 25%	Ramsuper 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
678	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Transfluthrin (min 95%) 50g/kg	Strongfast 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
679	Imidacloprid 100g/kg (50g/l) + Pirimicarb 20g/kg (150g/l)	Actagold 120WP, 200EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

680	Imidacloprid 50g/l + Profenofos 200g/l	Vitasupe 250EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
681	Imidacloprid 2% + Pyridaben 18%	Hapmisu 20EC	Bọ phấn/lạc, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
682	Imidacloprid 2.5% + Pyridaben 15%	Usatabon 17.5WP	Rệp bông xơ/mía, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
683	Imidacloprid 150g/kg (150g/kg), (250g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg), (500g/kg)	Tvpymeda 350WP, 650WG, 750WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
684	Imidacloprid 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Cherray 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
685	Imidacloprid 15g/kg + Thiamethoxam 285g/kg	Wofara 300WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
686	Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Leader 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập Đoàn Điện Bàn
687	Imidacloprid 100g/l (400g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (350g/kg)	NOSOT Super 300SC, 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
688	Imidacloprid 200g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Aicpyricyp 250WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
689	Imidaclorpid 10g/kg (50g/kg) + Thiosultap - sodium (Nereistoxin) 340g/kg (700g/kg)	Actadan 350WP, 750WP	**350WP:** sâu cuốn lá/lúa **750WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

690	Imidacloprid 1.7% (5%) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 38.3% (85%)	Zobin 40WP, 90WP	**40WP:** rầy nâu/lúa **90WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
691	Imidacloprid 2% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 58 %	Midanix 60WP	Sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá; bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
692	Imidacloprid 4g/kg (190g/kg), (17g/kg), (25g/kg), (20g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 36/kg (100g/kg), (393g/kg), (825g/kg), (930g/kg)	Vk. Dan 40GR, 290WP, 410WP, 850WP, 950WP	**40GR, 850WP:** Sâu đục thân/lúa **290WP:** Rầy nâu/lúa **410WP:** Sâu cuốn lá/lúa **950WP:** Bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
693	Imidacloprid 5% (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 70% (750g/kg)	Rep play 75WP, 800WP	**75WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa **800WP:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
694	Indoxacarb	Actatin 150SC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Aficap 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
		Agfan 15SC	Sâu cuốn lá/lúa	Rotam Asia Pacific Limited
		Amateusamy 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Amater 150SC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Lion Agrevo
		Ameta 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH - TM Tân Thành

		Anhvatơ 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Anmaten 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Blog 8SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clever 150SC, 300WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Doxagan 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		DuPont™ Ammate® 30WG, 150EC	**30WG:** sâu cuốn lá/lúa **150EC:** sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	DuPont Vietnam Ltd
		Indocar 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Indogold 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Indony 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Indosuper 150SC, 300WG	**150SC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, nhện gié/lúa; rệp muội, sâu đục quả, sâu đục hoa, sâu xanh/đậu tương **300WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Newamate 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Đồng Vàng
		Opulent 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Long
		Supermate 150SC	Sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH An Nông

		Sunset 300WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Thamaten 150SC	Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Wavesuper 15SC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bộ
695	Indoxacarb 10% + Fipronil 5%	Isophos 15EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
696	Indoxacarb 120g/l + Fipronil 130g/l	Zentomax 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
697	Indoxacarb 55g/kg (0.2g/l), (160g/l) + Profenofos 0.5g/kg (84.8g/l), (40g/l)	Goldkte 55.5WG, 85EW, 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
698	Indoxacarb 50g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Pymin 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
699	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Divine 180SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
700	Indoxacarb 150g/l + Tebufenozide 200g/l	Captain 350SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
701	Isoprocarb	Mipcide 50WP	Rầy xanh/bông vải, rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Micinjapane 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tigicarb 20EC, 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vimipc 20EC, 25WP	Rầy/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
702	Isoprocarb 400g/kg + Thiamethoxam 25g/kg	Cynite 425WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

703	Isoprocarb 400g/kg (400g/kg) + Thiacloprid 50g/kg (100g/kg)	Zorket 450WP, 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
704	Isoprocarb 200g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Silwet 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
705	Karanjin	Takare 2EC	Nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; bọ trĩ/dưa chuột, nho, dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn, vải; nhện gié/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
706	Lambda-cyhalothrin (min 81%)	Cyhella 250CS	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Karate® 2.5EC	Sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, sâu phao, rầy nâu/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá, sâu ăn lá/lạc; sâu ăn lá/đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Katedapha 25EC	Bọ xít, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Katera 50EC	Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		K - T annong 2.5EC, 25EC, 25EW	**2.5EC:** sâu phao/lúa **25EC, 25EW:** sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH An Nông
		K - Tee Super 2.5EC, 50EC	**2.5EC:** sâu cuốn lá/lúa **50EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Fast Kill 2.5EC	Rệp/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Iprolamcy 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Futai
		Perdana 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Racket 2.5EC	Sâu ăn lá/lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Sumo 2.5EC	Bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Vovinam 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu róm/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
707	Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Paichongding (min 95%) 250g/kg	Kingcheck 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
708	Lambda -cyhalothrin 15g/l + Profenofos 335g/l	Wofatac 350EC	Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
709	Lambda-cyhalothrin 20g/l (50g/l) + Profenofos 150g/l (375g/l)	Gammalin super 170EC, 425EC	**170EC:** sâu xanh da láng/đậu tương; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê **425EC:** Rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
710	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Quinalphos 235g/l	Cydansuper 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Repdor 250EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
711	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Quinalphos 230g/l	Supitoc 250EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
712	Lambda-cyhalothrin 106g/l + Thiamethoxam 141g/l	Fortaras top 247SC	Rầy nâu, bọ xít hôi, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
713	Lambda-cyhalothrin 110g/l + Thiamethoxam 140g/l	Valudant 250SC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Yapoko 250SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
714	Lambda-cyhalothrin 10.6% + Thiamethoxam 14.1%	Uni-tegula 24.7SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)

715	Lambda-cyhalothrin 2g/l (15g/l), (2g/l), (50g/l) + Phoxim 120g/l (20g/l), (20g/l), (30g/l) + Profenofos 283g/l (450g/l), (66.88g/l), (19.99g/l)	Boxing 405EC, 485EC, 88.88EC, 99.99EW	**405EC:** Rầy nâu, sâu đục thân/lúa **485EC:** Rầy nâu, sâu đục thân/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê **88.88EC:** Bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **99.99EW:** Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
716	Lambda-cyhalothrin 20g/l (10g/kg) (110g/l), (20g/kg) (30g/l) + Thiacloprid 36.66g/l (100g/kg) (10g/l), (10g/kg), (350g/l) + Thiamethoxam 10g/l (10g/kg), (150g/l), (300g/kg), (100g/l)	Arafat 66.66EW, 120WP, 270SC, 330WP, 480SC	**66.66EW:** Sâu cuốn lá/lúa **120WP, 270SC, 330WP, 480SC:** Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
717	Lufenuron (min 96 %)	Lufenron 050EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương, sâu vẽ bùa/cam	Công ty CP Đồng Xanh
		Match® 050EC	Sâu tơ/rau; sâu xanh/đậu xanh, thuốc lá; sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
718	Liuyangmycin	ANB52 Super 100EC	Nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện lông nhung/vải; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Map Loto 10EC	Nhện đỏ/xoài, cam; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ phấn/đậu côve; rệp muội/quýt	Map Pacific Pte Ltd
719	Malathion (min 95 %)	Malate 73EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
720	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm)	Agri-one 1SL	Sâu khoang/lạc, đậu côve; dòi đục lá/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow

		Ajisuper 0.5SL, 1SL, 1EC, 1WP	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC, 10EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; rầy bông/xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Asin 0.5SL	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Đầu trâu Jolie 1.1SP	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dotrine 0.6SL	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Ema 5EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ nâu/chè, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ, sâu xanh da láng/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Faini 0.288EC, 0.3SL	**0.288EC:** rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè **0.3SL:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa	Công ty CP Nicotex

		Kobisuper 1SL	Nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/hoa cúc, cam; dòi đục lá/đậu đũa; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; nhện đỏ/nho; sâu đục quả, ruồi đục lá/đậu đũa; ruồi hại lá/cây bó xôi; sâu khoang/lạc; sâu xanh/thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ly 0.26SL	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Marigold 0.36SL	Rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/cà phê; rầy xanh/xoài; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu khoang/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/vải; bọ xít/điều; sâu đục quả/chôm chôm; sâu tơ/bắp cải; thối quả/xoài; mốc xám/nho; sương mai/dưa hấu, cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Plasma 3EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam
		Sakumec 0.36EC, 0.5EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sokonec 0.36SL	Sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu đục quả/đậu côve; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Sokupi 0.36SL, 0.5SL	**0.36SL:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/rau họ thập tự; rệp muội/cải bẹ; sâu khoang/đậu cove, lạc; bọ trĩ/dưa chuột; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng, rệp muội/thuốc lá; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/đậu tương; bọ nhảy/rau cải xanh; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít dài/lúa **0.5SL:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh

		Wotac 5EC, 16EC	**5EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/cải xanh; sâu đục quả/đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/vải; sâu khoang, rệp/thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; sâu róm/thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ trĩ/điều **16EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
721	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6SL	Sâu ăn hoa/xoài, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh/lạc	Công ty TNHH An Nông
722	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
723	Metaflumizone (min 96%)	Verismo 240SC	Sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
724	*Metarhirium anisopliae*	Naxa 800DP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Ometar 1.2 x 10^9 bào tử/g	Rầy, bọ xít/lúa; bọ cánh cứng/dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
725	Methoxyfenozide (min 95%)	Prodigy 23SC	Sâu khoang, sâu xanh/lạc; sâu xanh da láng/bắp cải; sâu cuốn lá/lúa	Dow AgroSciences B.V

726	Methylamine avermectin	Aicmectin 75WG	Rầy xanh/chè, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Hagold 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Lutex 1.9EC, 5.5WG, 10WG, 12.0WG	**1.9EC, 10WG, 12.0WG:** sâu cuốn lá/lúa **5.5WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
727	Milbemectin (min 92%)	Benknock 1EC	Nhện đỏ/cam, chè, hoa hồng; nhện lông nhung/vải	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
		Cazotil 1EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
728	Naled (Bromchlophos) (min 93%)	Dibrom 50EC, 96EC	Bọ xít hôi/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		TĐK_Epoxyco 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
729	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Dyman 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP NN HP
		Elsin 10EC, 20EC, 500SL, 600WP	**10EC:** Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp/đậu tương **20EC, 500SL, 600WP:** Rầy nâu/lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Luckyram 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Nitensuper 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ω-ram 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

730	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG	Rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; mọt đục quả, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
731	Nitenpyram 30% + Pymetrozine 40%	Laroma 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
732	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	**70WG:** Rầy nâu/lúa **75WP:** Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
733	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
734	Pymetrozine 400g/kg + Nitenpyram 300g/kg	Ramsing 700WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
735	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	Rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
736	Nitenpyram 300g/kg (500g/kg) + Pyriproxyfen (min 97%) 200g/kg (220g/kg)	Supercheck 500WP, 720WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
737	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
738	Nitenpyram 500g/kg + Spiromesifen 200g/kg	Ang-Sachray 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
739	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		True 100EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
740	Oxymatrine	Vimatrine 0.6SL	Bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/rau cải ngọt; ruồi hại lá/cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/cà chua; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

741	Permethrin (min 92%)	Army 10EC	Sâu khoang/đậu tương	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Asitrin 50EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clatinusa 500EC	Sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Crymerin 50EC, 100EC, 250EC	**50EC:** Mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **100EC:** bọ xít muỗi/điều, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **250EC:** bọ xít muỗi/điều, sâu khoang/lạc, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fullkill 10EC, 50EC	**10EC:** sâu phao/lúa **50EC:** sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Galaxy 50EC	Sâu xanh/lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kilsect 10EC	Sâu khoang/lạc	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Map - Permethrin 10EC, 50EC	**10EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu tương **50EC:** sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu đục quả/đậu tương, sâu xanh da láng/lạc, rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Megarin 50EC	Sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Patriot 50EC	Sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Peran 10EC, 50EC	**10EC:** sâu ăn tạp/bông vải **50EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/đậu tương; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

		PER annong 100EC, 100EW, 500EC	**100EC:** bọ xít/lúa **100EW:** rệp sáp/cà phê, sâu cuốn lá/lúa **500EC:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục hoa/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Perkill 10EC, 50EC	**10EC:** bọ xít/lúa, sâu khoang/đậu tương, rệp vảy/cà phê **50EC:** sâu xanh/đậu xanh; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Permecide 50EC	Sâu khoang/lạc, bọ xít muỗi/điều, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Pernovi 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
		Perthrin 50EC	Sâu khoang/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu ăn tạp/bông vải	Công ty CP Đồng Xanh
		Pounce 1.5GR, 10EC, 50EC	**1.5GR:** ruồi/đậu tương **10EC:** rệp/thuốc lá; bọ trĩ, bọ xít/lúa **50EC:** sâu khoang/lạc	FMC Agricultural Products Interational AG
		Terin 50EC	Bọ xít muỗi/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tigifast 10EC	Sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungperin 10EC, 50EC	**10EC:** sâu xanh da láng/đậu xanh; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/điều; sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa **50EC:** sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; dòi đục lá/đậu tương; sâu đục ngọn/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân/mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
742	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
743	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

744	Petroleum spray oil	Citrole 96.3EC	Rệp muội, rệp sáp, nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cây có múi	Total Fluides. (France)
		Dầu khoáng DS 98.8EC	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh
		DK-Annong Super 909EC	Rầy xanh/chè; rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
		Medopaz 80EC	Bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa/cam	Kital Ltd.
		SK Enspray 99EC	Nhện đỏ/chè, cây có múi, nhện lông nhung/nhãn, sâu hồng đục quả/bưởi	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vicol 80EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
745	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92%)	Elsan 50EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/thuốc lá; rệp/bông vải; sâu đục thân/mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Forsan 50EC, 60EC	**50EC:** bọ xít/lúa **60EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	Forward International Ltd
		Phetho 50EC	Sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Pyenthoate 50EC	Sâu đục thân/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Vifel 50EC	Sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
746	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35EC	Bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Saliphos 35EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu keo/ngô, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
747	Pirimicarb (min 95%)	Altis 50WP	Rệp muội/thuốc lá	Công ty CP Nicotex

748	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết *(Gleditschia australis)*, Hy thiêm *(Siegesbeckia orientalis)*, Đơn buốt *(Bidens pilosa)*, Cúc liên chi dại *(Parthenium hystherophorus)*	Anisaf SH-01 2SL	Rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/dưa chuột; sâu khoang, muội đen, rệp đào/thuốc lá, sâu đục cuống quả/vải, rệp sáp/cà phê	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
749	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50EC	Bọ trĩ/lúa; rệp, sâu khoang/bông vải; rệp/ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Callous 500EC	Sâu khoang/đậu xanh, sâu đục thân/ngô, bọ trĩ/lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Carina 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Cleaver 45EC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Nongiaphat 500EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Selecron® 500EC	Sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
750	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	Nhện đỏ/lạc	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
751	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
752	Profenofos 100g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang

753	Propargite (min 85%)	Atamite 73EC	Nhện đỏ/hoa hồng, cam; nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Comite(R) 73EC, 570EW	**73EC:** nhện đỏ/chè, rau cải, lạc, cam, sắn; nhện gié/lúa **570EW:** Nhện gié/lúa; nhện đỏ/chè, cam, lạc, sắn, hoa huệ	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd.
		Daisy 57EC	Nhện đỏ/chè	Công ty CP Nicotex
		Kamai 730EC	Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Saromite 57EC	Nhện đỏ/chè; nhện gié, bọ phấn/lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Superrex 73EC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
754	Propargite 300g/l + Pyridaben 200g/l	Proben super 500EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
755	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Checknp 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Chelsi 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Chess® 50WG	Rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ phấn/lúa; bọ trĩ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Cheesapc 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
		Cheestar 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
		Chersieu 50WG, 75WG	**50WG:** Rầy nâu, bọ xít dài/lúa, rệp sáp giả/cà phê **75WG:** rệp muội/thuốc lá, bọ xít dài/lúa, rệp sáp/cà phê; bọ phấn/cà tím, bí xanh, cà pháo, bầu; bọ trĩ/hành, bí xanh, cà pháo, cà tím; rầy xanh/mướp, mồng tơi, bí xanh; rệp muội/đậu côve, đậu đũa	Công ty TNHH Việt Thắng

		Chits 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
		Gepa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Hichespro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hits 50WG	Rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cà phê; rệp muội, bọ phấn/cải xanh	Công ty TNHH Phú Nông
		Jette 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Longanchess 50WG, 70WP, 700WG, 750WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Matoko 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Newchestusa 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oscare 50WG, 100WP, 600WG	**50WG, 100WP:** Rầy nâu/lúa **600WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BMC
		Sagometro 50WG	Rầu nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Schezgold 500WG, 750WG	**500WG:** rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa **750WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Scheccjapane super 500WG, 750WG	**500WG:** Rầy nâu/lúa **750WG:** Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-osa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

756	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH-TM Nông Phát
757	Pymetrozine 400g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Tvusa 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
758	Pyrethrins	Bopy 14EC, 50EC	**14EC:** Sâu tơ/bắp cải **50EC:** rệp muội/bắp cải, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
		Mativex 1.5EW	Rệp/bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
		Nixatop 3.0 CS	Rệp muội, sâu tơ, sâu xanh/cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Nicotex
759	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	Rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/bắp cải; bọ nhảy/rau cải; bọ phấn/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
760	Pyridaben (min 95%)	Alfamite 20WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Coven 200EC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Dandy 15EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietnhen 150EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
		Koben 15EC	Bọ xít muỗi/điều; rệp/bông vải; nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Ongtrum 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
761	Pyridaben 150g/kg + Sulfur 250g/kg	Pyramite 400WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
762	Pyridalyl (min 91%)	Sumipleo 10EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

763	Pyriproxyfen (min 95%)	Permit 100EC	Rệp sáp/cà phê, tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sunlar 110EC	Sâu vẽ bùa/cam	Sundat (S) PTe Ltd
764	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH An Nông
765	Pyriproxyfen 350g/kg + Tolfenpyrad (min 95%) 250g/kg	Bigsun 600WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
766	Quinalphos (min 70%)	Aquinphos 40EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Faifos 5GR, 25EC	**5GR:** sâu đục thân/ngô, lúa **25EC:** rệp muội/thuốc lá, sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê, sâu xanh/bông vải, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kinalux 25EC	Sâu khoang/lạc; sâu ăn tạp/đậu tương; rệp sáp/cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Methink 25EC	Sâu phao, nhện gié/lúa/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Obamax 25EC	Sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Peryphos 25EC	Sâu phao/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Quiafos 25EC	Sâu đục bẹ, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; vòi voi đục nõn/điều; sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Quilux 25EC	Sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Quintox 10EC, 25EC	**10EC:** rệp sáp/cà phê **25EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

767	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
768	Rotenone	Bin 10EC, 25EC	**10EC:** Sâu tơ/bắp cải **25EC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
		Dibaroten 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** sâu xanh/cải bẹ, dưa chuột **5WP, 5SL, 5GR:** sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fortenone 5WP	Sâu tơ/rau, sâu xanh/đậu	Forward International Ltd
		Limater 7.5EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ớt; rệp sáp/bí xanh; nhện đỏ/bí đỏ, hoa hồng; rệp, sâu khoang/thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/cam; bọ xít/nhãn; rệp/xoài; sâu đục quả/vải; rệp sáp/na; sâu ăn lá/cây hồng; sâu róm/ổi	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Newfatoc 50WP, 50SL, 75WP, 75SL	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
		Rinup 50EC, 50WP	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/cà chua; dòi đục lá/dưa chuột; bọ trĩ/dưa hấu; rệp đào/thuốc lá; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu ăn hoa/xoài	Công ty TNHH An Nông

		Trusach 2.5EC	Sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; sâu tơ/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; bọ nhảy/rau cải; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/thuốc lá	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Vironone 2EC	Sâu tơ/cải thảo	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
769	Rotenone 5% (50g/l) + Saponin 14.5% (145g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC	Tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
770	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** bọ nhảy, sâu xanh/cải xanh **5WP, 5SL, 5GR:** sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
771	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	Tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
772	Saponin	Map lisa 230SL	Sâu tơ/bắp cải	Map Pacific Pte. Ltd.
773	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP-Thần Điền 78SL	Rệp sáp, rệp vảy xanh, rệp nâu/cà phê, xoài; rệp muội/nhãn, vải; rệp/đậu tương; bọ trĩ/dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Thành Phương
774	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nicotex
775	Spinetoram (min 86.4%)	Radiant 60SC	Sâu xanh da láng/hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục quả, bọ trĩ/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ớt; sâu vẽ bùa/cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ trĩ/hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa	Dow AgroSciences B.V

776	Spinosad (min 96.4%)	Akasa 25SC, 250WP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh da láng/hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/cà chua; sâu khoang/đậu tương; dòi đục quả/ổi; sâu đục quả/xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Automex 100EC, 250EC, 250SC, 250WP	**100EC, 250EC, 250WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **250SC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Daiwansin 25SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Futai
		Efphê 25EC, 100EC, 250WP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH ADC
		Spicess 28SC	Sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH An Nông
		Spinki 25SC	Bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/cà chua; sâu xanh, rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Success 0.24CB, 25SC	**0.24CB:** Ruồi đục quả/xoài, ổi **25SC:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; ruồi đục quả/ổi, xoài	Dow AgroSciences B.V
		Suhamcon 25SC, 25WP	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muội, bọ nhảy sọc cong vỏ lạc/bắp cải; rệp muội, bọ nhảy, sâu xanh da láng/hành; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; sâu đục quả, rệp muội/đậu đũa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Wish 25SC	Sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/hành	Công ty CP Đồng Xanh

777	Spirotetramat (min 96%)	Movento 150OD	Rệp muội/bắp cải, vải; bọ trĩ/chè; rệp sáp/thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu; sâu đục quả/cà chua; sâu tơ/bắp cải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
778	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer 500WG	Rầy nâu/lúa, rệp/bông vải; rệp muội/đậu tương; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/bông vải; bọ phấn trắng/lúa; rệp muội/ngô	Dow AgroSciences B.V
779	Sulfur	Bacca 80WG	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa chất NN I
		Sul-elong 80WG	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH King Elong
		Sulfex 80WG	Nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Excel Crop Care Ltd.
		Tramuluxjapane 80WG	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
780	Tebufenozide (min 99.6%)	Mimic ® 20SC	Sâu xanh da láng/thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Racy 20SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xerox 20SC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
781	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98.9%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	Rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
782	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240SC	Bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Hostox 480SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Koto 240SC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương;	Công ty TNHH Phú Nông

		Zukop 480SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
783	Thiamethoxam (min 95%)	Actara® 25WG	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp/mía; bọ trĩ/điều; rệp/thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amira 25WG	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Anfaza 250WG, 350SC	**250WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **350SC:** bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Apfara 25WG	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Asarasuper 250WG, 300WG, 500SC, 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Hercule 25WG	Rọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fortaras 25WG	Rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/lúa; rệp sáp, sâu đục cành/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Furacol 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Impalasuper 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Jiathi 25WP	Rọ trĩ/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Nofara 35WG, 350SC	**35WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **350SC:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Ranaxa 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Tata 25WG, 355SC	**25WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **355SC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

		Thiamax 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Thionova 25WG	Rầy nâu/lúa; rệp muội, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vithoxam 350SC	Rầy nâu/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
784	Thiodicarb (min 96%)	Click 75WP	Bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu khoang/đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Ondosol 750WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Supepugin 750WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Thio.dx 75WP	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
785	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (min 95%)	Acemo 180SL	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Apashuang 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL, 95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL:** rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/lúa; sâu đục thân, rệp/ngô; sâu xanh/đậu tương; sâu đục thân, rệp/mía; rệp sáp/cà phê **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/lúa; sâu xanh/đậu tương; rầy/bông vải; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Catodan 18SL, 90WP	**18SL:** sâu cuốn lá/lúa **90WP:** sâu cuốn lá/lúa, rệp/đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Colt 95WP, 150SL	**95WP:** sâu phao/lúa **150SL:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH ADC

		Dibadan 18SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp bông xơ mía; rầy/bông vải; rệp/ngô **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/ngô; rầy/bông vải; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Neretox 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; châu chấu tre lưng vàng/ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
		Netoxin 90WP, 95WP	**90WP:** sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **95WP:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sát trùng đơn (Sát trùng đan) 5GR, 18SL, 29SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/lúa **18SL:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu ăn lá/đậu tương **29SL:** sâu khoang/đậu xanh **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu ăn lá/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Sadavi 18SL, 95WP	**18SL:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Sanedan 95WP	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Anh Dấu Tiền Giang
		Shaling Shuang 500WP, 950WP	**500WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **950WP:** sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sha Chong Jing 50WP, 90WP, 95WP	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Sha Chong Shuang 18SL, 50SP, 90WP, 95WP	**18SL, 90WP, 95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **50SP:** sâu đục thân lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)

		Taginon 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tiginon 5GR, 18SL, 90WP, 95 WP	**5GR:** sâu đục thân/mía, lúa **90WP, 18SL:** sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê **95WP:** sâu xanh/đậu xanh, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungsong 18SL, 25SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **25SL:** sâu cuốn lá lúa, bọ trĩ/điều **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vietdan 3.6GR, 29SL, 50WP, 95WP	**3.6GR:** sâu đục thân/lúa **29SL:** bọ trĩ/lúa **50WP:** sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	**5GR, 18SL:** sâu đục thân/lúa **95SP:** rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vi Tha Dan 18SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, sâu đục thân lúa **95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Ascorbic acid 2.5% + Citric acid 3.0% + Lactic acid 4.0%	Agrilife 100 SL	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; thối nhũn vi khuẩn/bắp cải; thán thư/ớt; thán thư/thanh long; lúa von/lúa (xử lý hạt giống); đốm mắt cua/ớt, đốm lá/cà tím ; héo xanh/mướp, cà tím	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
2	Acrylic acid 4% + Carvacrol 1%	Som 5SL	Đạo ôn, khô vằn, bạc lá/lúa; giả sương mai, mốc xám/dưa chuột, rau, cà; thán thư/ớt	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
3	Acrilic acid 40g/l + Carvacrol 10g/l	Stargolg 5SL	Khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; thán thư/ớt	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
4	Acibenzolar-S-methyl (min 96%)	Bion 50WG	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

5	Albendazole (min 98.8%)	Abenix 10SC	Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá/lúa	Công ty CP Nicotex
6	Albendazole 100g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Masterapc 600WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
7	Amisulbrom (min 96.5%)	Gekko 20SC	Sương mai/cà chua, giả sương mai/dưa chuột, sưng rễ/bắp cải, xì mủ/sầu riêng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
8	Azoxystrobin (min 93%)	Amistar® 250SC	Đốm vòng/cà chua, mốc sương, lở cổ rễ/khoai tây, thối quả/ca cao; sương mai, thán thư/dưa hấu; sương mai/cà chua; thán thư/ớt; đốm nâu/thanh long	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Azo-elong 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH King Elong
		Azony 25SC	**25SC:** Khô vằn, đạo ôn/lúa; sẹo (ghẻ nhám)/cam, thán thư/xoài **320SC:** Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Envio 250SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Majestic 250SC	Thán thư hoa/xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Overamis 250SC, 300SC	**250SC:** Lem lép hạt, khô vằn/lúa **300SC:** thán thư/xoài; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		STAR.DX 250SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Trobin 250SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/xoài; ghẻ nhám/cam	Công ty TNHH Phú Nông
9	Azoxystrobin 125g/l + Carbendazim 500g/l	Azostargold 625SC	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ

10	Azoxystrobin 10g/l (10g/kg), (300g/l), (50g/l), (200g/kg) + Carbendazim 10g/l (170g/kg), (10g/l), (300g/l), (1g/kg) + Hexaconazole 60g/l (30g/kg), (10g/l), (20g/l), (565g/kg)	Amiusatop 80SC, 210WP, 320SC, 370SC, 766WG	**80SC:** khô vằn/lúa **210WP, 320SC, 370SC, 766WG:** lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
11	Azoxystrobin 20g/l + Carbendazim 375g/l + Hexaconazole 30g/l	Luscar 425SC	Lem lép hạt/lúa; phấn trắng/hoa hồng; thán thư/vải; rỉ sắt/cà phê; vàng rụng lá/cao su; sương mai/hành	Công ty CP Nông nghiệp HP
12	Azoxystrobin 60g/l + Chlorothalonil 500g/l	Ameed Plus 560SC	Rỉ sắt/cà phê	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Mighty 560SC	Sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
13	Azoxystrobin 100g/l + Chlorothalonil 500g/l	Azoxygold 600SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
14	Azoxystrobin 100g/l + Chlorothalonil 500g/l	Ortiva® 600SC	Thán thư/xoài; thán thư, đốm vòng/ớt; giả sương mai/dưa chuột; nấm hồng/cà phê; thán thư, sương mai/dưa hấu; thán thư, rỉ sắt/cà phê; thán thư, đốm vòng, sương mai/cà chua; đốm lá/cà chua; vàng rụng lá, khô nứt vỏ quả/cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
15	Azoxystrobin 90g/l + Chlorothalonil 700g/l	Kempo 790SC	Sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Trường Thịnh
16	Azoxystrobin 200g/kg + Cyproconazole 75g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Cyat 525WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
17	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 120g/l	Vitrobin 320SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông

18	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l	Amistar Top® 325SC	Khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; chết cây con/lạc, phấn trắng/hoa hồng, phấn trắng, vàng lá/cao su; khô nứt vỏ/cao su; đốm lá lớn, gỉ sắt/ngô; thán thư/cà phê; khô vằn/ngô, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amylatop 325SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; chết cây con/lạc, phấn trắng/cao su; vàng rụng lá/cao su, phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Asmaitop 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azofenco 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Kital
		Keviar 325SC	Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm, khô vằn/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Lk Top 325SC	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Mastertop 325SC	Vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa; thán thư/cà phê, hồ tiêu; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Moneys 325SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Phaybuc 325SC	Chết ẻo cây con/lạc	Công ty TNHH King Elong
		Star.top 325SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Supreme 325SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Topmystar 325SC	Lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		TT-Over 325SC	Lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Trobin top 325SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/lúa; đốm nâu, lở cổ rễ/lạc; đốm lá/đậu tương; rỉ sắt, thán thư/cà phê; thối gốc/lạc; đốm vòng/khoai tây	Công ty TNHH Phú Nông

19	Azoxystrobin 200g/l (255g/l) + Difenoconazole 125g/l (160g/l)	Citeengold 325SC, 415SC	**325SC:** Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa **415SC:** Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lan Anh
20	Azoxystrobin 10g/l + Fenoxanil 200g/l + Tebuconazole 150g/l	Chilliusa 360SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
21	Azoxystrobin 250g/l (200g/l), (200g/l), (200g/kg), (250g/l), (250g/l), (250g/kg) + Difenoconazole 10g/l (133g/l), (200g/l), (200g/kg), (200g/l), (250g/l), (250g/kg)	Amity top 260SC, 333SC, 400SC, 400SG, 450SC, 500SC, 500SG	**260SC:** Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; vàng rụng lá/cao su **333SC:** Vàng lá vi khuẩn, lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/lúa; vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/cà phê; phấn trắng/cao su **400SC:** Rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su; lem lép hạt/lúa **400SG:** Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su **450SC:** Khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê; phấn trắng/cao su **500SC:** Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; phấn trắng/cao su; rỉ sắt/cà phê **500SG:** Đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
22	Azoxystrobin 200g/l (250g/l) + Difenoconazole 133g/l (150g/l)	Bi-a 333SC, 400SC	**333SC:** Lem lép hạt, khô vằn/lúa, vàng rụng lá/cao su **400SC:** Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
23	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg) + Difenoconazole 125g/l (250g/kg)	Myfatop 325SC, 650WP	**325SC:** đạo ôn, vàng lá, lem lép hạt/lúa **650WP:** Lem lép hạt/lúa; nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH An Nông
24	Azoxystrobin 10g/kg, (50g/kg), (200g/l) + Difenoconazole 200g/kg, (200g/kg), (125g/l)	Audione 210WP, 250WG, 325SC	**210WP, 250WG:** Lem lép hạt/lúa **325SC:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

25	Azoxystrobin 190g/l (200g/l) + 143g/l (150g/l) Difenoconazole	Maxtatopgol 333SC, 350SC	**333SC:** lem lép hạt/lúa **350SC:** phấn trắng/cao su	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
26	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 150g/l	Amass TSC 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Ara - super 350SC	Lem lép hạt, vàng lá chín sớm, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm lá/đậu tương; chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/khoai tây	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Aviso 350SC	Lem lép hạt/lúa, phấn trắng/cao su, thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
		Mi stop 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
27	Azoxystrobin 200g/l (200g/l), (200g/l), (200g/l) + Difenoconazole 150g/l (200g/l), (220g/l), (250g/l)	Majetictop 350SC, 400SC, 420SC, 450SC	**350SC:** Đạo ôn/lúa **400SC:** Lem lép hạt/lúa **420SC:** Rỉ sắt/cà phê; lem lép hạt, đốm nâu/lúa/lúa **450SC:** Đạo ôn, lem lép hạt, đốm nâu//lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
28	Azoxystrobin 200g/l (250g/l) + Difenoconazole 125g/l (150g/l)	Ohho 325SC, 400SC	Lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
29	Azoxystrobin 235g/l (275g/l), (325g/l), (375g/l) + Difenoconazole 125g/l (125g/l), (125g/l), (125g/l)	Neoamistagold 360SC, 400SC, 450SC, 500SC	**360SC, 450SC:** Lem lép hạt/lúa **400SC, 500SC:** vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
30	Azoxystrobin 250g/l (250g/l) + Difenoconazole 150g/l (250g/l)	Anmisdotop 400SC, 500SC	**400SC:** Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa **500SC:** Lem lép hạt/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
31	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 150g/l	Asmiltatop Super 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang

		Azotop 400SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Dovatop 400SC	Thán thư/điểu; khô vằn, vàng lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; khô quả/cà phê; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Help 400SC	Lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn, đốm nâu/lúa; thán thư/hồ tiêu, hoa hồng, cà phê	Công ty TNHH ADC
		Paramax 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Upper 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa, vàng rụng lá/cao su; thán thư/cà phê; nứt thân xì mủ/cao su; chết nhanh/hồ tiêu; lở cổ rễ/thuốc lá	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
32	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 175g/l	Vk.Lasstop 425SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
33	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 200g/l	A zol 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Toplusa 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
34	Azoxystrobin 300g/l + Difenoconazole 150g/l	Jiadeporo 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Miligo 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
35	Azoxystrobin 270g/l + Difenoconazole 180g/l	Tilgent 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
36	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 200g/l	Enextatop 400SC	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
37	Azoxystrobin 60g/kg + Difenoconazole 200g/kg + Dimethomorph 100g/kg	Novistar 360WP	Đạo ôn, vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Nông Việt

38	Azoxystrobin 210g/l + Difenoconazole 130g/l + Hexaconazole 50g/l	Mitop one 390SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
39	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 50g/l	Curegold 375SC	Vàng lá, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; khô cành khô quả/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
40	Azoxystrobin 150g/l + Difenoconazole 85g/l + Hexaconazole 115g/l	Centeratop 350SC	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bày Tay Việt
41	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 100g/l	Starvil 425SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
42	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Topmypro 500SE	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
43	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 80g/l + Tricyclazole 200g/l	Athuoctop 480SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
44	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Tricyclazole 200g/l	Mixperfect 525SC	Vàng lá chín sớm, đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
45	Azoxystrobin 50g/l + Difenoconazole 250g/l + Tricyclazole 255g/l	Tilgermany super 555SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
46	Azoxystrobin 20.1g/l (205g/l), (350g/l), (50g/kg) + Difenoconazole 12.6g/l (128g/l), (10g/l), (150g/kg) + Sulfur 249.3g/l (10g/l), (10g/l), (560g/kg)	Titanicone 327SC, 343SC, 370SC, 760WP	**327SC, 760WP:** Vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa **343SC:** Lem lép hạt/lúa **370SC:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

47	Azoxystrobin 60g/kg + Dimethomorph 250g/kg + Fosetyl-aluminium 30g/kg	Map hero 340WP	Thán thư/cà chua; giả sương mai/dưa gang; mốc sương/nho; đốm vòng/bắp cải; thán thư, sương mai/dưa hấu; thối thân, đốm nâu/thanh long; sương mai/cà chua	Map Pacific Pte Ltd
48	Azoxystrobin 250g/l (250g/kg) + Fenoxanil 200g/l (500g/kg)	Lk-Vill @ 450SC, 750WG	**450SC:** lem lép hạt/lúa **750WG:** đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
49	Azoxystrobin 200g/kg (250g/l) + Fenoxanil 125g/kg (150g/l)	Omega 325WP, 400SC	**325WP:** vàng lá chín sớm, đạo ôn/lúa; đốm vòng/hành, sẹo/cam **400SC:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm vòng/hành; ghẻ nhám/cam; sương mai/bắp cải	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
50	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l	Trobin plus 400SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
51	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l + Hexaconazole 100g/l	Aha 500SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
52	Azoxystrobin 30g/l (50g/l), (60g/kg) + Fenoxanil 200g/l (310g/l), (350g/kg) + Kasugamycin 30g/l (40g/l) (40g/kg)	Surijapane 260SC, 400SC, 450WP	**260SC:** Đạo ôn/lúa **400SC, 450WP:** Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
53	Azoxystrobin 200g/l (200g/l), (210g/l), (220g/l) + Fenoxanil 210g/l (250g/l), (290g/l), (320g/l) + Ningnanmycin 40g/l (50g/l), (50g/l), (60g/l)	Lazerusa 450SC, 500SC, 550SC, 600SC	**450SC, 500SC:** Đạo ôn/lúa **550SC, 600SC:** Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

54	Azoxystrobin 150g/l + Flusilazole 150g/l	Willsuper 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
55	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Camilo 150SC	Lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm, đốm nâu/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; thán thư/xoài, phấn trắng/cao su	Công ty TNHH ADC
		Ori 150SC	Vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
56	Azoxystrobin 270g/l + Hexaconazole 90g/l	Fujivil 360SC	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
57	Azoxystrobin 1g/l (50g/l) + Hexaconazole 49g/l (100g/l)	Hextop 5SC, 150SC	**5SC:** khô vằn/lúa **150SC:** lem lép hạt, khô vằn/lúa; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
58	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Calox 250SC	Vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
59	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 101g/l	Super cup 151SC	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
60	Azoxystrobin 10g/l (300g/l), (400g/l), (200g/kg) + Hexaconazole 60g/l (10g/l), (10g/l), (565g/kg)	Anforli 70SC, 310SC, 410SC, 765WG	**70SC:** Khô vằn/lúa **310SC, 410SC, 765WG:** Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
61	Azoxystrobin 250g/l + Hexaconazole 70g/l	Acatop 320SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
62	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 40g/l + Tricyclazole 220g/l	King-cide Japan 460SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
63	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 100g/l + Tebuconazole 50g/l	Acdino 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

64	Azoxystrobin 360g/kg + Hexaconazole 160g/kg + Thiophanate methyl 240g/kg	Autovin 760WP	Thán thư/vải, rỉ sắt/cà phê; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; mốc sương/cà chua	Công ty TNHH An Nông
65	Azoxystrobin 150g/l + Metalaxyl 300g/l	Crystalusa 450SC	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
66	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 15%	Bn-azopro 35SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su	Công ty CP Bảo Nông Việt
67	Azoxystrobin 75g/l + Propiconazole 125g/l	Apropo 200SE	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Quilt 200SE	Đốm lá lớn/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
68	Azoxystrobin 1g/l (130g/l), (260g/l), (100g/kg), (1g/kg), (200g/kg) + Propineb 10g/l (10g/l), (10g/l) (300g/kg), 705g/kg (10g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (200g/l), (100g/kg), (10g/kg), (550g/kg)	Amisupertop 271EW, 330SC, 340SC, 500WP, 716WP, 760WP	**271EW, 340SC, 500WP, 716WP, 760WP:** lem lép hạt/lúa **330SC:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
69	Azoxystrobin 1g/l (260g/l), (360g/l), (50g/kg) + Sulfur 20g/l (10g/l), (10g/l), (460g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (10g/l), (250g/kg)	Topnati 281EW, 330SC, 380SC, 760WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
70	Azoxystrobin 120g/l + Tebuconazole 200g/l	Custodia 320SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam

71	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg), (450g/kg) + Tebuconazole 200g/l (350g/kg), (350g/kg)	Lotususa 400SC, 750WG, 800WG	**400SC:** lem lép hạt/lúa **750WG:** Khô vằn, đạo ôn/lúa **800WG:** Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
72	Azoxystrobin 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Lotususa 400SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
73	Azoxystrobin 400g/kg + Tebuconazole100g/kg	Maxxa 500WG	Đạo ôn; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
74	Azoxystrobin 250g/kg (277g/kg), (300g/kg), (360g/kg) + Tebuconazole 500g/kg (500g/kg), (500g/kg), (500g/kg)	Natiduc 750WG, 777WG, 800WG, 860WG	**750WG:** gỉ sắt/cà phê; đạo ôn, lem lép hạt/lúa **777WG:** Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm, khô vằn/lúa; gỉ sắt/cà phê **800WG:** Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; gỉ sắt/cà phê **860WG:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
75	Azoxystrobin 260g/l (100g/kg), (200g/kg) + Tebuconazole 60g/l (350g/kg), (560g/kg)	Natigold 320SC, 450WG, 760WG	**320SC:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa **450WG:** lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá/lúa **760WG:** vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
76	Azoxystrobin 250g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Ameed top 750WG	Khô vằn/lúa	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
77	Azoxystrobin 56g/l + Tebuconazole 100g/l + Prochloraz 200g/l	Almagor 356EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
78	Azoxystrobin 0.2g/kg (100g/l), (0.5g/l), (60g/l), (1g/kg), (10g/kg) + Tricyclazole 79.8g/kg (225g/l), (401.5g/l), (400g/l), (559g/kg), (750g/kg)	Verygold 80WP, 325SC, 402SC, 460SC, 560WP, 760WG	**80WP, 402SC, 560WP, 760WG:** Đạo ôn/lúa **325SC:** Lem lép hạt/lúa **460SC:** Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

79	Azoxystrobin 100g/l + Tricyclazole 225g/l	Staragro 325SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
80	Azoxystrobin 20g/l + Tricyclazole 400g/l	Top-care 420SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
81	Azoxystrobin 60g/l + Tricyclazole 400g/l	Roshow 460SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
82	Azoxystrobin 15g/kg + Tricyclazole 745g/kg	Bemjapane 760WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
83	Azoxystrobin 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Be-amusa 810WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
84	Azoxystrobin 200g/l (60g/l), (100g/l) + Tricyclazole 300g/l (500g/l), (500g/l)	Altista top 500SC, 560SC, 600SC	**500SC:** Đạo ôn/lúa **560SC, 600SC:** Khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
85	Bạc Nano 1g/l + Chitosan 25g/l	Nano Kito 2.6SL	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
86	*Bacillus subtilis*	Biobac 50WP	Héo xanh/cà chua; phấn trắng/dâu tây; thối rễ/súp lơ, sưng rễ/bắp cải	Bion Tech Inc.,
		Bionite WP	Đốm phấn vàng, phấn trắng/dưa chuột, bí xanh; sương mai/nho; mốc sương/cà chua; biến màu quả/vải; héo vàng, chết cây con/lạc; đen thân/thuốc lá; đạo ôn, lem lép hạt/lúa; bệnh còng, chết cây con/hành tây	Công ty TNHH Nông Sinh
87	Benalaxyl (min 94%)	Dobexyl 50WP	Giả sương mai/dưa hấu, đốm lá/đậu tương, vàng lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
88	Benomyl (min 95%)	Bendazol 50WP	Đạo ôn/lúa; thán thư/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Benex 50WP	Khô vằn/lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd

		Benofun 50WP	Đốm lá/đậu phộng	Zagro Singapore Pte Ltd
		Benotigi 50WP	Vàng lá/lúa, phấn trắng/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Binhnomyl 50WP	Đạo ôn, vàng lá, lem lép hạt/lúa; đốm lá/đậu tương; sương mai/khoai tây; rỉ sắt/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Fundazol 50WP	Vàng lá/lúa	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
		Tinomyl 50WP	Vàng lá/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Viben 50WP	Vàng lá/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
89	Benomyl 10% + Bordeaux 45% + Zineb 20%	Copper-B 75WP	Vàng lá/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
90	Benomyl 25% + Copper Oxychloride 25%	Viben-C 50WP	Vàng lá/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
91	Benomyl 100g/kg, (5g/kg) + Iprodione 100g/kg, (245g/kg)	Ankisten 200WP, 250WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
92	Benomyl 25% + Mancozeb 25%	Bell 50WP	Vàng lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
93	Benomyl 17% + Zineb 53%	Benzeb 70WP	Lem lép hạt/lúa; đốm lá/lạc; sương mai/khoai tây	Công ty CP BVTV Sài Gòn

(Xem tiếp Công báo số 449 + 450)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng